

PHỤ LỤC
CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT VÀ
CÁC TÀI LIỆU KHÁC (NẾU CÓ)
(Kèm theo E-HSMT)

Gói thầu: Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi
Tên dự án/ dự toán mua sắm: Đấu nối nước thải từ hộ thoát nước vào
mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng
Bàng

Các thông tin:

Đường dây nóng của Báo đấu thầu theo số điện thoại: 0243.768.6611

Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh – Địa chỉ: Số 86 Đường Phạm Tung, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh – Đại diện người có thẩm quyền: Trương Văn Dề (Giám đốc) – Điện thoại: 02766 550 081.

Tư vấn lựa chọn nhà thầu: Công ty TNHH MTV Xây dựng Nguyễn Phi Dũng – Địa chỉ: 151 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khu phố 1, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh – Đại diện người có thẩm quyền: Phạm Thị Kim Khoa (Giám đốc) – Điện thoại: 0983823474

Số: 1429 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào
mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, Thuế thu nhập, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý; Sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng và quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X – Kỳ họp thứ 7 về dự kiến kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 1752/TTr-BQLDA ngày 01/12/2025; ý kiến đề xuất của Sở Tài chính tại Báo cáo số 7916/BC-STC ngày 28/11/2025 và công văn số 740/STC-TĐ ngày 16/01/2026 về việc báo cáo kết quả rà soát nội dung phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải Trảng Bàng; đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải Thành phố Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng, với các nội dung như sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư tuyến ống đầu nổi thu gom nước thải từ hộ thoát nước về nhà máy xử lý nước thải để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, góp phần bảo vệ môi trường.

2. Quy mô đầu tư: Phù hợp với nhu cầu khai thác, sử dụng công trình; Số lượng hộ gia đình dự kiến đầu nổi là 2.545 hộ.

3. Dự án đầu tư công: Nhóm C, Công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 77.185.764.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 60.986.756.159 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 945.691.991 đồng.
- Chi phí tư vấn: 4.211.775.294 đồng.
- Chi phí khác: 852.518.988 đồng.
- Chi phí dự phòng: 10.189.022.057 đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

6. Địa điểm thực hiện: Phường Trảng Bàng, Phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2028.

8. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh làm chủ đầu tư và trực tiếp quản lý dự án.

2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh) chịu trách nhiệm:

- Khẩn trương thực hiện các hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Triển khai thực hiện đúng quy mô đầu tư, quản lý và sử dụng vốn dự án, hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định và đảm bảo phát huy được mục tiêu đầu tư của dự án. Chủ đầu tư chỉ triển khai thực hiện dự án khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bố trí vốn chính thức.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn để Chủ đầu tư triển khai, hoàn thành dự án đúng tiến độ được phê duyệt; bố trí vốn đúng thời gian quy định, không để dự án chậm tiến độ do thiếu vốn và gây nợ đọng trong xây dựng cơ bản theo các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh, Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tính chính xác, nội dung thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nên trên đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Lưu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- CVP, PCVP. UBND tỉnh
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Lâm
Nguyễn Minh Lâm

UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:166 /QĐ-BQLDA

Tây Ninh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị dự án điều chỉnh
Dự án: Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy
xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng; được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính về Quy

định mức thu, chế độ, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 38/2023/TT-BTC ngày 08/6/2023 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định;

Căn cứ Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định hỗ trợ đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X – Kỳ họp thứ 7 về dự kiến kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về Ban hành quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đẩu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-BQLDA ngày 11/02/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc Phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Hồ sơ dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đẩu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng do Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật lập, thẩm định;

Căn cứ Tờ trình số 01/TTr-HTKT ngày 26/02/2026 và Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ số 02/KQTD-HTKT ngày 26/02/2026 của Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật về việc thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đẩu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

Xét đề nghị của Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình

dân dụng tỉnh Tây Ninh tại **Tờ trình số 161/TTr-BQLDA ngày 27/02/2026** về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đẩu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đẩu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng, với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Đẩu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư tuyến ống đẩu nổi thu gom nước thải từ hộ thoát nước về nhà máy xử lý nước thải để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp cận, góp phần bảo vệ môi trường.

4. Quy mô đầu tư xây dựng: Thực hiện đẩu nổi nước thải cho khoảng 2.545 hộ dân sinh sống khu vực các phường: Gia Lộc, Trảng Bàng.

5. Loại, nhóm công trình: nhóm C, hạ tầng kỹ thuật.

6. Địa điểm xây dựng: Các phường: Gia Lộc, Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh.

7. Tổng mức đầu tư dự kiến: 77.185.764.000 đồng.

8. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

9. Thời gian thực hiện dự án: năm 2026-2028.

10. Dự toán chuẩn bị dự án điều chỉnh: 2.180.723.720 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm tám mươi triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi đồng), trong đó bao gồm các chi phí sau:

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN
1	Chi phí khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	1.654.072.756
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	49.883.356
3	Chi phí Giám sát công tác khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	66.264.581
4	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	311.803.656

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN
5	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	69.151.417
6	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	5.264.344
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	14.283.610
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	2.000.000
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	3.000.000
10	Chi phí cho hội đồng giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	5.000.000

Điều 2.

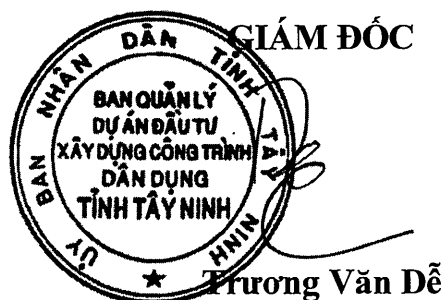
1. Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung dự toán chi phí chuẩn bị dự án Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng; tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 266/QĐ-BQLDA ngày 29/01/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Các Phó GD (chỉ đạo, thực hiện);
- Lưu: VT; HTKT.



UBND TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 296 /QĐ-BQLDA

Tây Ninh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án
Dự án: Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà
máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng**

**GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi, bổ sung một số Điều bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng;

Căn cứ Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 để thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-BQLDA ngày 11/02/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phân công nhiệm vụ của lãnh đạo Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê

duyet dự toán giai đoạn chuẩn bị dự án điều chỉnh dự án Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 08/BCTĐ-CTDD ngày 08/3/2026 của Phòng Quản lý Công trình dân dụng về việc báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

Theo đề nghị của Phó Giám đốc phụ trách Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật tại **Tờ trình số 284/TTr-BQLDA ngày 11/3/2026** về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng. Nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, Điều 3;
- PGĐ Ngọc Vui (chỉ đạo, thực hiện);
- Lưu: VT, HTKT.

(Khang)



Trương Văn Để

**Phụ lục: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án
Dự án: Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải
tại phường Trảng Bàng**

(Kèm theo Quyết định số 29/QĐ-BQLDA ngày 12 tháng 3 năm 2026)

Tên gói thầu												
Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	
01	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh	Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng công trình	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn	-	15 ngày	Quý I/2026	Trộn gói	15 ngày	Không áp dụng	
02		Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Khảo sát xây dựng công trình và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước (lựa chọn nhà thầu qua mạng)	01 giai đoạn 02 túi hồ sơ	75 ngày	Quý II/2026	Hỗn hợp (Phần khảo sát: Theo đơn giá cố định; Phần lập BCNCKT: Trộn gói)	75 ngày	Không áp dụng	

03	Giám sát khảo sát xây dựng lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Giám khảo sát xây dựng	Giám khảo sát xây dựng	66.264.581	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn	-	15 ngày	Quý I/2026	Trộn gói	30 ngày	Không áp dụng
04	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu: Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu: Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu: Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	14.283.610	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn	-	15 ngày	Quý I/2026	Trộn gói	75 ngày	Không áp dụng
05	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	69.151.417	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn	-	15 ngày	Quý I/2026	Trộn gói	25 ngày	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu:				2.165.459.376								

Số: 1750/BC-BQLDA

Tây Ninh, ngày 01 tháng 12 năm 2025.

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng

Kính gửi: Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ, về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính Phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, về việc ban hành định mức xây dựng; Thông tư 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-BXD ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Xây dựng, về việc công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Tây Ninh, về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, nguồn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Văn bản số 2578/UBND-KT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, về việc ý kiến đối với đề xuất giao đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy; Văn bản số 2499/STC-QLTCDT ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh, về việc đề xuất giao đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Văn bản số 814/SXD-TCTĐKH ngày 24/4/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc ý kiến phục vụ công tác thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng;

Căn cứ Văn bản số 1272/STC-QLTCDT ngày 29/4/2025 của Sở tài chính tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng,

Căn cứ Báo cáo số 7916/BC-STC ngày 28/11/2025 của Sở Tài chính về việc Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng,

Trên cơ sở hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chuẩn trương đầu tư theo Báo cáo số 7916/BC-STC ngày 28/11/2025 của Sở Tài chính, kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng.

2. Nhóm dự án: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: UBND tỉnh Tây Ninh.

4. Cơ quan được giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Trảng Bàng, Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án (làm tròn): **77.186.764.000 đồng** (*Bằng chữ: Bảy mươi bảy tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

8. Các thông tin khác (nếu có): Không.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư

a. Sự cần thiết đầu tư

- Theo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020 về thực hiện chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia thì chỉ tiêu đến 2020, tỷ lệ đô thị xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Chất thải rắn 100%, nước thải 50%.

- Dự án đầu tư xây dựng đầu tư xây dựng đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư, dự kiến đến cuối năm 2026 sẽ đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải hoàn chỉnh trong khu vực nội thị của Đô thị Trảng Bàng tới các hộ thoát nước, cùng với hoàn thành xây dựng nhà máy xử lý nước thải công suất 5.000 m³/ngày.

- Do đó dự án Đầu nối nước thải từ các hộ thoát nước vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng phù hợp với các quy định hiện hành, phù hợp với xu thế phát triển bền vững. Việc thực hiện dự án này sẽ đảm bảo công suất hoạt động của hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải, phát huy hiệu quả đầu tư của các dự án thoát nước đã và đang thực hiện.

b. Các điều kiện để thực hiện đầu tư

- Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Quy định hỗ trợ đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026- 2030 nguồn ngân sách nhà nước;

- Công văn số 4237/UBND-KT ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Văn bản số 2578/UBND-KT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, về việc ý kiến đối với đề xuất giao đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo kết luận của Ban thường vụ Tỉnh ủy.

- Văn bản số 2499/STC-QLTCDT ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh, về việc đề xuất giao đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Báo cáo số 7916/BC-STC ngày 28/11/2025 của Sở Tài chính về việc Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng.

c. Đánh giá về sự phù hợp quy hoạch

- Dự án phù hợp với Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường quy định trong điều 5 của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Dự án phù hợp với Chính sách của Nhà nước về Đấu nổi nước thải trong Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải của Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ Xây dựng;

- Sở Tài Chính thẩm định khả năng cân đối Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn cho dự án để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Hội đồng nhân dân xem xét quyết định chủ trương đầu tư dự án.

d. Đánh giá về sự phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

- Dự án phù hợp với Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường quy định trong điều 5 của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Dự án phù hợp với Chính sách của Nhà nước về Đấu nổi nước thải trong Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải của Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024 của Bộ Xây dựng;

- Dự án phù hợp Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn đến 2050 được duyệt theo Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ;

- Dự án phù hợp Quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000 được duyệt theo Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh;

- Dự án phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 được duyệt theo Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh;

- Dự án phù hợp Quy hoạch phân khu phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, tỷ lệ 1:2000 kèm theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh;

- Dự án đã được UBND tỉnh cho phép nghiên cứu triển khai theo quy định tại Quyết định số 4237/2024/UBND-KT ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của HĐND Tỉnh.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư

a. Mục tiêu đầu tư

- Thực hiện công tác Đầu nối nước thải cho khoảng 2.545 hộ thoát nước; đầu nối nước thải từ các hộ thoát nước vào các Hộp đầu nối đã được đầu tư xây dựng trong dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng.

- Đảm bảo hiệu quả đầu tư của các dự án đầu tư Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

b. Quy mô đầu tư

- Theo Điều 32 của Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải của Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ Xây dựng, đối với nước thải sinh hoạt thì các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp (không cần xử lý cục bộ) vào các hộp đầu nối; đối với các loại nước thải khác thì các hộ thoát nước phải có hệ thống xử lý cục bộ đảm bảo quy chuẩn quy định trước khi xả vào hộp đầu nối. Như vậy, đối với các hộ thoát nước phát sinh nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân (hộ dân, công trình công cộng...) sẽ đầu nối trực tiếp ra hộp đầu nối chờ sẵn.

- Những hộ có xây dựng bể tự hoại có các biện pháp chống thấm đầy đủ và cam kết không để nước thải thấm vào môi trường đất thì thu nước thải sau bể tự hoại ra hộp đầu nối. Đối với nước thải bếp, giặt, nhà tắm.. vẫn thu trực tiếp từ điểm xả đến hộp đầu nối.

- Những hộ thoát nước khác như nhà hàng, quán ăn, dịch vụ khác cần phải xử lý cục bộ theo quy định, sau đó đầu nối vào hộp đầu nối chờ sẵn.

- Thực hiện công tác Đầu nối nước thải cho khoảng 2.545 hộ thoát nước; đầu nối nước thải từ các hộ thoát nước vào các hộp đầu nối đã được đầu tư xây dựng trong dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng.

c. Phương án đầu tư

Hiện trạng dự án

- Nhà máy xử lý nước thải Trảng Bàng, công suất 5.000 m³/ngày đã được xây dựng tại khu đất thuộc thị xã Trảng Bàng, công nghệ xử lý nước thải được áp dụng là phương pháp sinh học, sử dụng vi sinh vật để xử lý các chất ô nhiễm trong nước thải. Một trong những điều kiện quan trọng để Phương pháp xử lý sinh học phát huy hiệu quả xử lý là nước thải được thu gom phải đủ hàm lượng chất dinh dưỡng. Tại Việt Nam, hầu hết các dự án thoát nước và xử lý nước thải có hệ thống thu gom riêng như Đô thị Trảng Bàng, khi thực hiện công tác đầu nối đều bỏ qua các bể tự hoại trong các hộ thoát nước, nhằm thu gom nước thải “tươi”, đảm bảo điều kiện thuận lợi nhất cho hệ vi sinh trong các công trình xử lý nước thải phát triển. Vì vậy, phương án đầu nối nước thải được đề xuất là Đầu nối trực tiếp nước thải từ các thiết bị vệ sinh ra Hộp đầu nối.

- Đối với hiện trạng các hộ gia đình quanh khu vực dự án:

+ Nhà dân hiện hữu hầu hết có chiều dài khá lớn, trung bình khoảng 42m, tuy nhiên qua khảo sát sơ bộ thực tế thì nhà vệ sinh thông thường nằm ở cuối nhà

với trường hợp nhà có chiều dài ngắn (30m) và gần cuối nhà trong trường hợp nhà có chiều dài lớn.

+ Hiện trạng kết cấu sàn và sân các hộ gia đình: bê tông, gạch men, gạch terazo,

Tiêu chuẩn và phương án kỹ thuật:

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật. Dự án: Nhóm C.

- Cấp công trình: Công trình cấp III. Phương án kỹ thuật và quy mô công trình

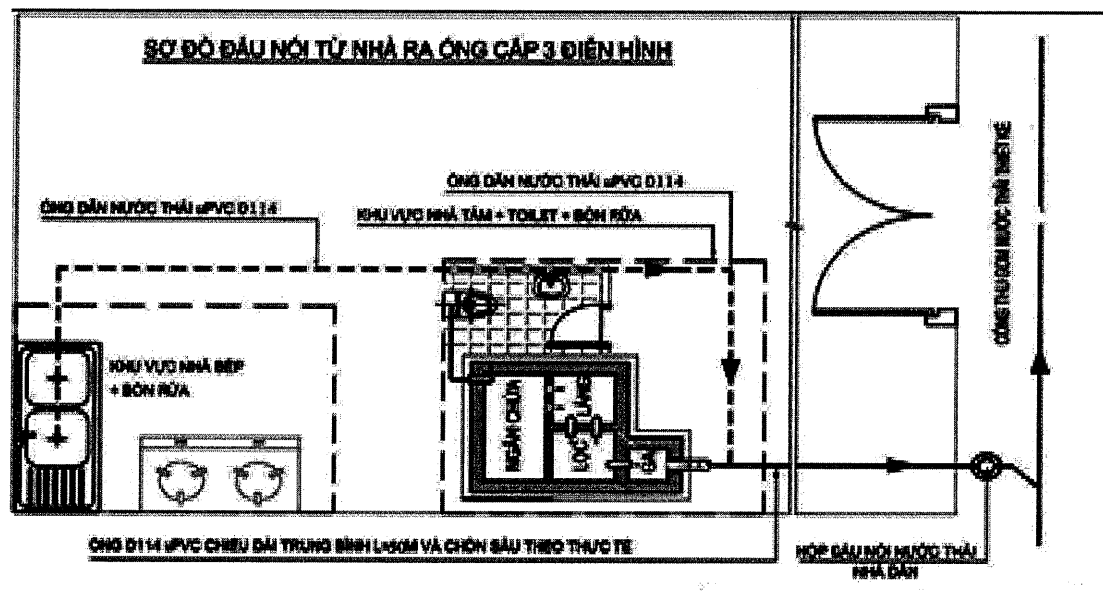
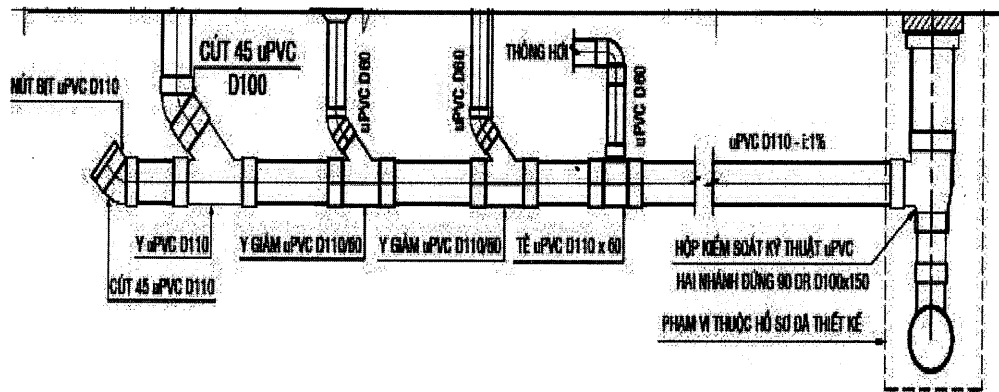
- Quy định đấu nối trên cơ sở toàn bộ các công trình xây dựng đang được sử dụng vào mục đích ở, làm việc, vui chơi giải trí hoặc các mục đích khác có xả nước thải ra môi trường và nằm trong phạm vi thu gom của hệ thống nước thải chính phải đấu nối vào hệ thống thoát nước công cộng. Tất cả các công trình xây dựng mới nằm trong phạm vi bắt buộc phải đấu nối ngay vào hệ thống công cộng. Các công trình xây dựng mới tại các khu vực đã hoặc sẽ có tuyến thoát nước chung phải đặt ống chờ để chuẩn bị đấu nối. Những công trình được miễn đấu nối là những công trình tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung hay các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được phép xả nước thải vào nguồn nước không qua hệ thống thoát nước khi nước thải của cơ sở đã được xử lý và được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định.

- Trên thực tế, trong phạm vi dự án chủ yếu là các hộ thoát nước có phát sinh nước thải sinh hoạt, tùy theo cao độ xây dựng của các hộ thoát nước, có thể dự kiến một số phương án đấu nối điển hình như sau:

Phương án điển hình 1: Áp dụng cho các hộ có cao độ xây dựng đảm bảo thoát nước tự chảy ra hộp đấu nối.

Phương án này sẽ đầu tư xây dựng đường ống nước thải bên trong hộ thoát nước, kết nối thu gom nước thải từ hệ thống nước thải sinh hoạt và đấu nối vào hộp đấu nối bên ngoài và các hộ thoát nước có hệ thống đã có bể tự hoại xây dựng đạt chuẩn, cam kết không để thấm nước ra môi trường.

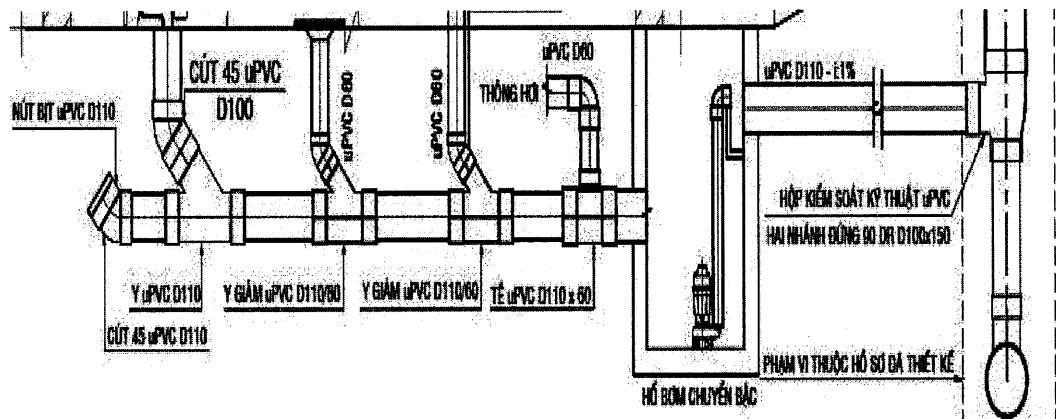
Hình 3.1. Sơ đồ đấu nối theo phương án điển hình 1



Phương án điển hình 2: Áp dụng cho các hộ có cao độ xây dựng không đảm bảo thoát nước tự chảy ra hộp đầu nối

- Một số hộ thoát nước có cao độ xây dựng thấp hơn mặt đường, hoặc đường ống thoát nước thải bên trong nhà không thể tự chảy ra hộp đầu nối. Trong trường hợp này, Phương án này sẽ đầu tư xây dựng đường ống nước thải bên trong hộ thoát nước, kết nối thu gom nước thải từ hệ thống nước thải sinh hoạt và đưa về hố thu kết hợp máy bơm nước thải, bơm nước thải vào hộp đầu nối bên ngoài. Để nâng cao trách nhiệm của các hộ thoát nước, dự kiến máy bơm thoát nước trong hố bơm chuyển bậc sẽ do các hộ thoát nước tự đầu tư và vận hành, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của chủ đầu tư.

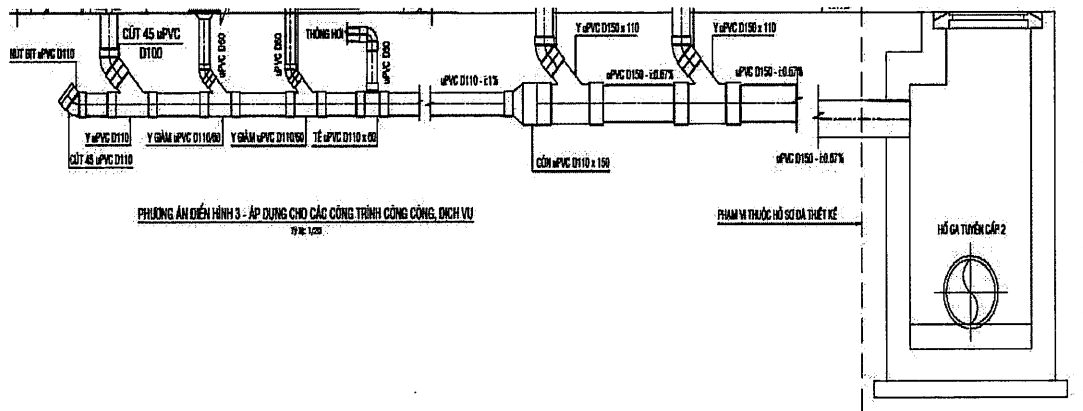
Hình 3.2. Sơ đồ đầu nối theo phương án điển hình 2



Phương án điển hình 3: Áp dụng cho các hệ thoát nước là các công trình công cộng, dịch vụ.

- Thông thường lượng nước thải trong những công trình công cộng, dịch vụ lớn hơn nước thải từ các hộ dân. Phương án này sẽ đầu tư xây dựng đường ống nước thải bên trong các công trình công cộng, dịch vụ, kết nối thu gom nước thải từ hệ thống nước thải sinh hoạt và đầu nối vào hố ga nước thải bên ngoài. Những hộ thoát nước phát sinh nước thải có chứa nhiều dầu mỡ như nhà hàng, bếp ăn tập thể... cần phải tự đầu tư bể tách mỡ tại chỗ theo đúng quy định, sau đó mới đầu nối ra hệ thống thoát nước thải.

Hình 3.3. Sơ đồ đấu nối theo phương án điển hình 3



- Phương án đầu nôi cụ thể có thể sẽ được điều chỉnh bổ sung sau khi thực hiện công tác Điều tra, Khảo sát xã hội học và tham vấn cộng đồng sau khi dự án được chấp thuận theo quy định.

Bảng 1. Tổng hợp khối lượng Đầu nối nước thải từ các hộ thoát nước

STT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Khối lượng
1	Đầu nối hộ thoát nước theo phương án điển hình 1	đầu nối	2.345
2	Đầu nối hộ thoát nước theo phương án điển hình 2	đầu nối	150
3	Đầu nối hộ thoát nước theo phương án điển hình 3	đầu nối	50
	Tổng cộng		2.545

Một số khuyến cáo chung cho công tác đầu nối:

- Việc cải tạo bể phốt (hầm rút) sẽ giảm chi phí xây dựng các ống kết nối, tuy nhiên việc này sẽ không đảm bảo các hầm rút đảm bảo được kín nước và ống kết nối còn đảm bảo. vẫn có nguy cơ rò rỉ ra môi trường đất, nước ngầm.

- Việc để nước thải tự phân hủy một phần trong hầm rút sẽ làm giảm hàm lượng BOD trong nước thải, chính tác nhân này sẽ làm giảm hiệu quả của quá trình phản ứng sinh học của nhà máy xử lý nước thải (do việc các vi sinh không đủ hàm lượng dinh dưỡng để phản ứng và duy trì hoạt tính).

Hoàn trả hiện trạng các công trình trong nhà bị ảnh hưởng bởi dự án

- Sau khi công tác lắp đặt các ống kỹ thuật vào các bể phốt, nhà vệ sinh và các phụ kiện liên quan đến ống đầu nối vào hộp nối ngoài nhà, công tác hoàn trả nền nhà (theo hiện trạng) phải đảm bảo tính bền vững, mỹ quan và đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường (mùi, tràn nước thải).

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án

a. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Việc xác định tổng mức đầu tư phụ thuộc vào quy mô và thiết kế của dự án.

- Cập nhật bổ sung chi phí giải phóng mặt bằng và áp dụng các Luật, nghị định, văn bản mới ban hành về quản lý chi phí xây dựng trong tổng mức dự án, cập nhật giá nhân công, ca máy, vật liệu thời điểm hiện nay.

- Tổng hợp tất cả các yếu tố vừa nêu, dự kiến tổng mức đầu tư để thực hiện dự án là: 77.185.764.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	60.986.756.159	Đồng
+ Chi phí quản lý dự án	945.691.991	Đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.211.775.294	Đồng
+ Chi phí khác	852.518.988	Đồng

+ Dự phòng phí

10.189.022.057 Đồng

Ghi chú:

- Chi phí xây dựng và thiết bị được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 và Điều 3 thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về Sơ bộ tổng mức đầu tư, tổng mức đầu tư xây dựng;

- Chi phí xây lắp các hạng mục theo suất vốn đầu tư tại Quyết định số 816/QĐ-BXD ngày 22/8/2024 của Bộ Xây dựng và tham khảo chi phí xây dựng của các kết cấu và công trình đã được xây dựng trong khu vực;

- Các chi phí Quản lý dự án, Tư vấn, Chi phí khác được xác định theo quy định tại Phụ lục I - Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ước tính cho Dự án 10%, nhỏ hơn <15% theo quy định;

- Chi phí GPMB thực hiện lập sơ bộ tổng mức theo quy định hiện hành và tham khảo các quyết định các dự án trong khu vực.

b. Nguồn vốn đầu tư cho dự án: Ngân sách tỉnh.**c. Phương án huy động vốn.**

- Nguồn vốn để triển khai dự án thực hiện theo Kế hoạch bố trí vốn của tỉnh.

- Sở Tài chính sẽ thẩm định khả năng cân đối kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026 – 2030 cho dự án này để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả

- Trình tự đầu tư xây dựng gồm các công việc: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, kết thúc đầu tư đưa công trình vào khai thác sử dụng.

- Căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật, khối lượng công việc của dự án, khả năng thi công của đơn vị thi công, khả năng cung cấp vốn cũng như tập kết thiết bị và vật liệu thi công. Trong điều kiện khó khăn về nguồn vốn, đề xuất thời gian thực hiện dự kiến trong 03 năm từ năm 2026-2028, các giai đoạn cụ thể như sau:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Quý IV/2025 – Quý I/2026.

+ Lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

+ Khảo sát và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

+ Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Quý II/2026 – Quý IV/2028.

+ Khảo sát và lập Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán.

+ Thẩm định, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán

+ Tổ chức thi công xây dựng công trình.

+ Nghiệm thu và bàn giao công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng; Vận hành, chạy thử, giám sát. Đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình.

+ Quyết toán, thanh lý các hợp đồng xây dựng; Quyết toán thu chi quản lý dự án. Tất toán dự án theo quyết định phê duyệt.

+ Báo cáo kết thúc thực hiện dự án với cấp trên và Kho bạc giao dịch để đóng tài khoản giao dịch của dự án. Kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành

- Dự kiến kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án như sau:

o Chi phí chuẩn bị đầu tư (Bước lập BCNCKT): 1.126.898.274 đồng

STT	KHOẢN CHI PHÍ	KÝ HIỆU	THÀNH TIỀN
I	Chi phí chuẩn bị dự án (giai đoạn lập BCNCKT)		1.126.898.274
1	Chi phí khảo sát xây dựng FS	Gtv1	185.600.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng FS	Gtv2	5.568.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng FS	Gtv3	7.557.633
4	Chi phí điều tra khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng và đánh giá mức sống, khả năng chi trả chi phí dịch vụ thoát nước	Gtv4	470.111.015
5	Chi phí lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	Gtv5	62.206.492
6	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Gtv6	311.803.656
7	Chi phí thẩm tra đề xuất chủ trương đầu tư	Gtv7	9.757.881
8	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	Gtv8	69.151.417
9	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	Gk4	5.142.180

o Chi phí thực hiện đầu tư (Bước lập TKBVTC-DT): 1.669.923.586 đồng

STT	KHOẢN CHI PHÍ	KÝ HIỆU	THÀNH TIỀN
II	Chi phí thực hiện đầu tư (giai đoạn lập Thiết kế BVTC - DT)		1.669.923.586
1	Chi phí khảo sát xây dựng TKBVTC	Gtv9	310.000.000

STT	KHOẢN CHI PHÍ	KÝ HIỆU	THÀNH TIỀN
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng TKBVTC	Gtv10	9.300.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng TKBVTC	Gtv11	12.623.200
4	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công	Gtv12	1.079.290.663
5	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	Gtv13	78.855.325
6	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng công trình	Gtv14	75.872.371
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu lập thiết kế bản vẽ thi công	Gtv19	8.807.012
8	Chi phí thẩm định HSMT gói lập thiết kế bản vẽ thi công (<i>min 2 triệu, max 60 triệu</i>)	Gtv20	2.000.000
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói lập thiết kế bản vẽ thi công (<i>min 3 triệu, max 60 triệu</i>)	Gtv21	3.000.000
10	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	Gk5	45.919.145
11	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	Gk6	44.255.870

○ Chi phí thực hiện đầu tư: 74.388.942.140 đồng

STT	KHOẢN CHI PHÍ	KÝ HIỆU	THÀNH TIỀN
III	Chi phí thực hiện đầu tư		74.388.942.140
1	Chi phí xây dựng	Gxd	60.986.756.159
2	Chi phí QLDA	Gqlda	945.691.991
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv15	1.175.258.330
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	Gtv16	100.515.866
5	Chi phí thẩm định HSMT gói thi công xây dựng (<i>min 2 triệu, max 60 triệu</i>)	Gtv17	60.000.000
6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thi công xây dựng (<i>min 3 triệu, max 60 triệu</i>)	Gtv18	60.000.000

STT	KHOẢN CHI PHÍ	KÝ HIỆU	THÀNH TIỀN
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu giám sát thi công	Gtv22	9.496.434
8	Chi phí thẩm định HSMT gói giám sát thi công (min 2 triệu, max 60 triệu)	Gtv23	2.000.000
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói giám sát thi công (min 3 triệu, max 60 triệu)	Gtv24	3.000.000
10	Chi phí thẩm định giá thiết bị và vật tư không có trong công bố giá	Gtv25	100.000.000
11	Chi phí thẩm tra, PD quyết toán vốn đầu tư	Gk1	178.978.661
12	Chi phí kiểm toán độc lập:	Gk2	308.108.233
13	Chi phí bảo hiểm công trình	Gk3	152.466.890
14	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Gk7	117.525.833
15	Chi phí dự phòng	Gdp	10.189.022.057
	Tổng mức đầu tư	I+II+III	77.185.764.000

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

a. Tác động môi trường

- Quá trình thực hiện dự án bao gồm các công tác: Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài nhà,... các hoạt động này sẽ gây nên một số tác động có thể liệt kê như sau: Bùn đất, đá trong quá trình xây dựng, tập kết vật liệu xây dựng; Khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện thi công; Ô nhiễm từ rác thải sinh hoạt của công nhân, máy móc hoạt động trên công trường; Ảnh hưởng đến môi trường thu gom nước thải trong khu vực, có thể xảy ra tình trạng ách tắc thu gom nước thải, nhất là vào các giờ cao điểm, gây trở ngại cho việc đi lại sinh hoạt của người dân; ...

- Nhìn chung các tác động nói trên ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể và trong thời gian nhất định. Tuy nhiên, cũng cần có biện pháp thích hợp để kiểm soát những tác động xấu đến môi trường vì các tác động này không chỉ ảnh hưởng tới công nhân tham gia xây dựng công trình mà còn ảnh hưởng đến nhân dân sinh sống trong khu vực.

b. Sơ bộ về hiệu quả đầu tư kinh tế xã hội

- Đầu nối nước thải từ hộ gia đình vào mạng lưới thu gom và xử lý nước thải từng bước hoàn thiện, đồng thời góp phần chỉnh trang đô thị, cải thiện môi trường,

mỹ quan đô thị khu vực, từng bước hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải hoàn chỉnh cho địa bàn Phường nói riêng và Tỉnh nói chung.

- Đây là một công trình hạ tầng thoát và xử lý nước thải có quy mô tương đối nhỏ nhưng lại có ý nghĩa rất to lớn về mặt chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. Lợi ích đó phần lớn không thể lượng hóa được bằng tiền như:

- Về hiệu quả xã hội:

+ Việc xây dựng hệ thống thoát nước thải hộ gia đình đấu nối với hệ thống tuyến nước thải cấp 1 & 2 đã được xác định trong quy hoạch chung xây dựng đô thị, tạo sự đồng lòng của người dân, góp phần chỉnh trang đô thị.

+ Tiết kiệm chi phí nạo vét, hút bùn của các hộ dân. Ngoài ra, công tác vận hành nhà máy xử lý nước thải sẽ hiệu quả hơn (do có đủ nồng độ vi sinh) để xử lý dễ dàng hơn và giảm thiểu các chi phí dân tiếp như vận chuyển và chôn lấp bùn thải.

+ Tiết kiệm chi phí xử lý và cải tạo môi trường nguồn nước ngầm, từng bước phục hồi độ sạch nguồn nước, giảm thiểu bệnh tật cho người dân trong khu vực dự án.

+ Giảm thiểu tình trạng ngập úng một phần, ô nhiễm mùi hôi và mầm bệnh. tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân trong việc tham gia trực tiếp vào vận hành hệ thống.

- Về hiệu quả kinh tế:

+ Nước thải không được xử lý đúng cách sẽ gây ra tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người. Nước thải không được xử lý trước khi xả thải có thể chứa các chất độc hại như kim loại nặng, hóa chất độc hại, vi sinh vật gây bệnh, các loại độc tố... gây ra tình trạng ô nhiễm nước, dẫn đến nhiều bệnh về đường ruột, bệnh truyền nhiễm và các bệnh về hô hấp...

+ Việc xử lý nước thải có thể gây ra chi phí lớn cho chính quyền, tuy nhiên, việc không xử lý thải lại gây ra những hậu quả về môi trường và sức khỏe con người có thể gây ra những tổn thất kinh tế khác.

+ Việc xử lý nước thải mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho cả cá nhân, tổ chức và xã hội. Đầu tiên, việc này giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của nước thải đến môi trường và sức khỏe con người, giảm thiểu sự ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên nước cho các địa phương.

+ Đồng thời, thu gom và xử lý nước thải cũng giúp tăng cường sản xuất nông nghiệp và công nghiệp. Nước thải được xử lý sẽ trở thành nguồn tài nguyên quý giá để tái sử dụng trong các hoạt động sản xuất và kinh doanh.

+ Ngoài ra, việc thu gom và xử lý nước cũng giúp đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương. Những địa phương có hệ thống xử lý nước thải hiện đại và hiệu quả sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân địa phương và đóng góp vào sự phát triển kinh tế của địa phương.

- Về môi trường:

+ Giảm thiểu tác động môi trường về nguồn nước, không khí, mùi, chất thải đô thị...

7. Phân chia các dự án thành phần:

- Dự án không có nhiều dự án thành phần khác nhau, rất thuận lợi trong quản lý.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh.
- Điều hành dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh.
- Chuẩn bị đầu tư: Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.
- Chuẩn bị thực hiện đầu tư: Thuê tư vấn thực hiện công tác tư vấn; UBND chỉ đạo các đơn vị có liên quan tuyên truyền đến các đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Quy định hỗ trợ đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh biết và tham gia đầu nổi; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về trách nhiệm của hộ thoát nước, quy định đầu nổi, lợi ích, hiệu quả của việc đầu nổi, xử lý nước thải để nâng cao nhận thức của người dân, góp phần nâng cao tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý.
- Thực hiện đầu tư: Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.

Kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng./.

(Báo cáo này thay thế báo cáo số 1400/BC BQLDA ngày 30/10/2025)

Nơi nhận:

- Như trên:
- Phòng QLDA GT-HTKT
(theo dõi, thực hiện);
- Lưu: VT.
(Quí)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Hữu Khang Hy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

**THUYẾT MINH
DỰ TOÁN CHI PHÍ CHUẨN BỊ DỰ ÁN
(ĐIỀU CHỈNH)**

**DỰ ÁN: ĐÁU NÓI NƯỚC THẢI TỪ HỘ THOÁT NƯỚC VÀO MẠNG LƯỚI
THU GOM VỀ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI PHƯỜNG TRẮNG BÀNG**

ĐỊA ĐIỂM: CÁC PHƯỜNG: GIA LỘC, TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

**CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH**

Tây Ninh, tháng 02 năm 2026

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH**

**THUYẾT MINH
DỰ TOÁN CHI PHÍ CHUẨN BỊ DỰ ÁN
(ĐIỀU CHỈNH)**

**DỰ ÁN: ĐÁU NỔI NƯỚC THẢI TỪ HỘ THOÁT NƯỚC VÀO MẠNG LƯỚI
THU GOM VỀ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI PHƯỜNG TRẮNG BÀNG**

ĐỊA ĐIỂM: CÁC PHƯỜNG: GIA LỘC, TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

**CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH**

Giá trị dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh: 2.180.723.720 đồng.
(Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm tám mươi triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm
hai mươi đồng).

Tây Ninh, ngày 26 tháng 02 năm 2026
Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật

Người lập



Phạm Hoàng Khang

Phó Trưởng phòng



Phan Thanh Thảo

*Dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng
lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.*

THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI PHÍ CHUẨN BỊ DỰ ÁN (ĐIỀU CHỈNH)

Dự án: Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

A. Cơ sở pháp lý lập dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng về Sửa đổi, bổ sung một số định mức ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ xây dựng về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng; -

Căn cứ Thông tư số 38/2023/TT-BTC ngày 08/6/2023 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

Căn cứ Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định hỗ trợ đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 10/02/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 để thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-BQLDA ngày 29/01/2026 của Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị dự án, Dự án: Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-BQLDA ngày 06/02/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc tiếp nhận, bổ nhiệm viên chức quản lý thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-BQLDA ngày 06/02/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc tiếp nhận, bổ nhiệm viên chức quản lý thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

B. Sự cần thiết điều chỉnh dự toán chi phí chuẩn bị dự án

- Ngày 29/01/2026, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh phê duyệt dự toán chuẩn bị dự án Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom nước thải thành phố Tây Ninh tại Quyết định số 266/QĐ-BQLDA, với các nội dung sau:

Dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

+ Tên dự án: Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

+ Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Tây Ninh.

+ Mục tiêu đầu tư: Đầu tư tuyến ống đầu nổi thu gom nước thải từ hộ thoát nước về nhà máy xử lý nước thải để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp cận, góp phần bảo vệ môi trường.

+ Quy mô đầu tư: Thực hiện đầu nổi nước thải cho khoảng 2.545 hộ dân sinh sống khu vực các phường: Gia Lộc, Trảng Bàng.

+ Loại, nhóm dự án: nhóm C, hạ tầng kỹ thuật.

+ Địa điểm thực hiện dự án: Các phường: Gia Lộc, Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh.

+ Tổng mức đầu tư dự kiến: 77.185.764.000 đồng.

+ Nguồn vốn: ngân sách tỉnh.

+ Thời gian thực hiện dự án: năm 2026-2028.

+ Dự toán chuẩn bị dự án: **1.055.056.076 đồng**. Trong đó bao gồm các chi phí sau:

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN
1	Chi phí khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	655.711.015
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	5.568.000
3	Chi phí Giám sát khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	7.557.633
4	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	311.803.656
5	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	69.151.417
6	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	5.264.355

Ngày 06/02/2026, Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật (được thành lập theo Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 20/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh) đã tiếp nhận toàn bộ hồ sơ dự án để tiếp tục tổ chức thực hiện theo phân công nhiệm vụ. Qua rà soát nội dung dự toán chi phí chuẩn bị dự án đã được phê duyệt, Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật nhận thấy cần thiết cập nhật, điều chỉnh và bổ sung một số khoản chi phí nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tế triển khai và quy định hiện hành.

Dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

- Do đó, để bảo đảm đầy đủ cơ sở triển khai bước chuẩn bị dự án theo đúng quy định, Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật thực hiện điều chỉnh hệ số một số chi phí đã được duyệt và bổ sung các khoản chi phí liên quan, bao gồm:

+ Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Chi phí cho hội đồng giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

C. Nội dung dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh, bổ sung

I. Nội dung dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh

Stt	Khoản mục chi phí	Cách tính		Thành tiền (đồng)	
		(Trước điều chỉnh)	(Sau điều chỉnh)	(Trước điều chỉnh)	(Sau điều chỉnh)
1	Chi phí khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Tạm tính	Tạm tính (bao gồm điều tra khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng và đánh giá mức sống, khả năng chi trả chi phí dịch vụ thoát nước)	655.711.015	1.654.072.756
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	$3,000\% \times G_{ksxd}$	$3,000\% \times G_{ksxd}$	5.568.000	49.883.356
3	Chi phí Giám sát công tác khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	$4,072\% \times G_{ksxd}$	$3,985\% \times G_{ksxd}$	7.557.633	66.264.581
4	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,511\% \times G_{xd}$	$0,511\% \times G_{xd}$	311.803.656	311.803.656

Dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đấu nối nước thải từ hệ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

5	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,113\% \times G_{xd}$	$0,113\% \times G_{xd}$	69.151.417	69.151.417
6	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,014\% \times TMĐT \times 50\%$	$0,014\% \times TMĐT \times 50\%$	5.264.355	5.264.344
	TỔNG CỘNG			1.055.056.076	2.156.440.110

II. Nội dung dự toán chi phí chuẩn bị dự án bổ sung

1. Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

Căn cứ Bảng 2.18 Phụ lục VIII Thông tư số 12/2021/TT-BXD xác định hệ số và chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn:

Stt	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền (đồng)
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,723\% \times (G_{ks} + G_{benckt})$	14.283.610

2. Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

Căn cứ điểm d khoản 4 và khoản 6 Điều 14 Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu để xác định hệ số và chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

Stt	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền (đồng)
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,1\% \times (G_{ks} + G_{benckt})$ (min 2 triệu)	2.000.000
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,1\% \times (G_{ks} + G_{benckt})$ (min 3 triệu)	3.000.000

3. Chi phí cho hội đồng giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

Căn cứ điểm khoản 8 Điều 14 Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu để

Dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đấu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

xác định hệ số và chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

Stt	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền (đồng)
10	Chi phí cho hội đồng giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,03\% \times (G_{ks} + G_{benckt})$ (min 5 triệu)	5.000.000

D. Tổng hợp dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh, bổ sung

Stt	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Tạm tính	1.654.072.756
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	$3,000\% \times G_{ksxd}$	49.883.356
3	Chi phí Giám sát công tác khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	$4,062\% \times G_{ksxd}$	66.264.581
4	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,511\% \times G_{xd}$	311.803.656
5	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,113\% \times G_{xd}$	69.151.417
6	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,014\% \times TMĐT \times 50\%$	5.264.344
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,724\% \times (G_{ks} + G_{benckt})$	14.283.610
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,1\% \times (G_{ks} + G_{benckt})$ (min 2 triệu)	2.000.000
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,1\% \times (G_{ks} + G_{benckt})$ (min 3 triệu)	3.000.000
10	Chi phí cho hội đồng giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,03\% \times (G_{ks} + G_{benckt})$ (min 5 triệu)	5.000.000
	TỔNG CỘNG		2.180.723.720

E. Dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh, bổ sung

Dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh thuộc dự án Đuối nổi nước thải từ hệ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

Giá trị dự toán chi phí chuẩn bị dự án điều chỉnh: **2.180.723.720 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm tám mươi triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).

(Kèm theo bảng khái toán tổng mức đầu tư dự án).

Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật kính trình Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt dự toán chuẩn bị dự án điều chỉnh với nội dung trên để triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

DỰ ÁN: DỰ ÁN ĐẦU NÓI NƯỚC THẢI TỪ HỘ THOÁT NƯỚC VÀO HỆ THỐNG THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẢNG BÀNG CÔNG SUẤT 10.000 M3/NGÀY - GIAI ĐOẠN 2

Đơn vị tính: đồng									
STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	Ghi chú		
	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÀI ĐỊNH CỤ		Gbt,đc	-		-			
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG		Gxd	55.442.505.599	5.544.250.560	60.986.756.159	Bảng CPXD		
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	2,132% x Gxdtt*0,8	Gqlđa	945.691.991		945.691.991	TT 12/2021/TT-BXD		
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		Gtv	4.872.617.765	464.556.018	5.337.173.782			
	Giai đoạn thực hiện báo cáo nghiên cứu khả thi								
1	Chi phí khảo sát xây dựng FS		Gtv1	1.076.328.855	107.632.886	1.183.961.741	Dự toán		
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng FS	3,000% x Gkxsd-dtxhh x 1,1	Gtv2	45.348.505	4.534.851	49.883.356	TT 11/2021/TT-BXD		
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng FS	3,985% x Gkxsd-dtxhh x 1,1	Gtv3	60.240.528	6.024.053	66.264.581	TT 12/2021/TT-BXD		
4	Chi phí điều tra khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng và đánh giá mức sống, khả năng chi trả chi phí dịch vụ thoát nước		Gtv4	435.287.977	34.823.038	470.111.015	Dự toán chi phí		
5	Chi phí lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	0,102% x Gxdtt x 1,1	Gtv5	56.551.356	5.655.136	62.206.492	TT 09/2024/TT-BXD		
6	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	0,511% x Gxdtt x 1,1	Gtv6	283.457.869	28.345.787	311.803.656	TT 12/2021/TT-BXD		
7	Chi phí thẩm tra đề xuất chủ trương đầu tư	0,040% x Gxdtt x 1,1 x 0,4	Gtv7	8.870.801	887.080	9.757.881	TT 09/2024/TT-BXD		
8	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	0,113% x Gxdtt x 1,1	Gtv8	62.864.925	6.286.492	69.151.417	TT 12/2021/TT-BXD		
9	Chi phí lập HSMIT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	0,723% x (Gkxsd-dtxhh +Gbencct) x 1,1	Gtv9	12.985.100	1.298.510	14.283.610	TT 09/2024/TT-BXD		
10	Chi phí thẩm định HSMIT gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi (min 2 triệu, max 60 triệu)	0,1% x (Gkxsd-dtxhh +Gbencct) x 1,1	Gtv10	2.000.000		2.000.000	ND 21/4/2025 ND-CP		
11	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi (min 3 triệu, max 60 triệu)	0,1% x (Gkxsd-dtxhh +Gbencct) x 1,1	Gtv11	3.000.000		3.000.000	ND 21/4/2025 ND-CP		
12	Chi phí cho hội đồng giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi (min 5 triệu, max 60 triệu)	0,03% x 1,1	Gtv12	5.000.000		5.000.000	ND 21/4/2025 ND-CP		
	Giai đoạn thực hiện thiết kế bản vẽ thi công								
13	Chi phí khảo sát xây dựng TKBVTC		Gtv13	281.818.182	28.181.818	310.000.000	Dự toán		
14	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng TKBVTC	3,000% x Gkxsd-tkbvte x 1,1	Gtv14	8.454.545	845.455	9.300.000	TT 11/2021/TT-BXD		
15	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng TKBVTC	3,985% x Gkxsd-tkbvte x 1,1	Gtv15	11.230.939	1.123.094	12.354.033	TT 12/2021/TT-BXD		
16	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công	1,475% x Gxdtt x 1,1 x 1,2	Gtv16	981.173.330	98.117.333	1.079.290.663	TT 12/2021/TT-BXD		
17	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	0,129% x Gxdtt x 1,1	Gtv17	71.686.659	7.168.666	78.855.325	TT 12/2021/TT-BXD		
18	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng công trình	0,124% x Gxdtt x 1,1	Gtv18	68.974.883	6.897.488	75.872.371	TT 12/2021/TT-BXD		

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	Ghi chú
19	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$1,927\% \times G_{xdt} \times 1,1$	Gv19	1.068.416.664	106.841.666	1.175.258.330	TT 12/2021/TT-BXD
20	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	$0,803\% \times G_{btt} \times 1,1$	Gv20	-	-	-	TT 12/2021/TT-BXD
21	Chi phí lập HSMĐT, đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	$0,165\% \times G_{xdt} \times 1,1$	Gv21	91.378.060	9.137.806	100.515.866	TT 12/2021/TT-BXD
22	Chi phí lập HSMĐT, đánh giá HSDT gói thầu lắp đặt thiết bị	$\times G_{btt} \times 1,1$	Gv22	-	-	-	TT 12/2021/TT-BXD
23	Chi phí thẩm định HSMĐT gói thi công xây dựng (min 2 triệu, max 60 triệu)	$0,1\% \times G \text{ xây lắp}$	Gv23	60.000.000		60.000.000	NĐ 214/2025 NĐ-CP
24	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thi công xây dựng (min 3 triệu, max 60 triệu)	$0,1\% \times G \text{ xây lắp}$	Gv24	60.000.000		60.000.000	NĐ 214/2025 NĐ-CP
25	Chi phí lập HSMĐT, đánh giá HSDT gói thầu lắp thiết kế bán vẽ thi công	$0,816\% \times G_{lkbvct} \times 1,1$	Gv25	8.006.374	800.637	8.807.012	TT 12/2021/TT-BXD
26	Chi phí thẩm định HSMĐT gói lắp thiết kế bán vẽ thi công (min 2 triệu, max 60 triệu)	$0,1\% \times G_{lkbvct}$	Gv26	2.000.000		2.000.000	NĐ 214/2025 NĐ-CP
27	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói lắp thiết kế bán vẽ thi công (min 3 triệu, max 60 triệu)	$0,1\% \times G_{lkbvct}$	Gv27	3.000.000		3.000.000	NĐ 214/2025 NĐ-CP
28	Chi phí lập HSMĐT, đánh giá HSDT gói thầu giám sát thi công	$0,808\% \times G_{gstc} \times 1,1$	Gv28	8.633.121	863.312	9.496.434	TT 12/2021/TT-BXD
29	Chi phí thẩm định HSMĐT gói giám sát thi công (min 2 triệu, max 60 triệu)	$0,1\% \times G_{gstc}$	Gv29	2.000.000		2.000.000	NĐ 214/2025 NĐ-CP
30	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói giám sát thi công (min 3 triệu, max 60 triệu)	$0,1\% \times G_{gstc}$	Gv30	3.000.000		3.000.000	NĐ 214/2025 NĐ-CP
31	Chi phí thẩm định giá thiết bị và vật tư không có trong công bố giá		Gv31	90.909.091	9.090.909	100.000.000	Tạm tính
V	CHI PHÍ KHÁC		Gk	810.648.511	41.870.465	852.518.976	
	Phí thẩm định chủ trương đầu tư		Gk			-	Tạm tính
1	Chi phí thẩm tra, PD quyết toán vốn đầu tư	$0,263\% \times (V_{tm} - G_{dp})$	Gk1	178.978.661		178.978.661	NĐ 99/2021/NĐ-CP
2	Chi phí kiểm toán độc lập:	$0,412\% \times (V_{tm} - G_{dp}) \times 1,1$	Gk2	280.098.394	28.009.839	308.108.233	NĐ 99/2021/NĐ-CP
3	Chi phí bảo hiểm công trình	$0,25\% \times G_{xdt} \times 1,1$	Gk3	138.606.264	13.860.626	152.466.890	TT 67/2023/NĐ-CP
4	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	$0,014\% \times V_{tm} \times 50\%$	Gk4	5.264.344		5.264.344	TT 28/2023/TT-BTC
5	Phí thẩm định thiết kế bán vẽ thi công	$0,0828\% \times G_{xdt}$	Gk5	45.919.145		45.919.145	TT 27/2023/TT-BTC
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	$0,0798\% \times G_{xdt}$	Gk6	44.255.870		44.255.870	TT 27/2023/TT-BTC
7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	$10\% \times G_{gstcd}$	Gk7	117.525.833		117.525.833	TT 10/2021/TT-BXD

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	Ghi chú
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		Gdp	8.239.657.801	823.965.780	9.063.623.581	
1	Dự phòng phí do yếu tố khối lượng phát sinh	$10,0\% \times (Gxd + Gqlda + Gtv + Gkh)$	Gdp1	6.277.473.836	627.747.384	6.905.221.219	TT 11/2021/TT-BXD
2	Dự phòng phí do yếu tố trượt giá	Phần còn lại	Gdp2	1.962.183.965	196.218.397	2.158.402.362	TT 11/2021/TT-BXD
	TỔNG CỘNG	$Gxd + Gkh + Gqlda + Gtv + Gkh + Gdp$	Vtm	70.311.121.666	6.874.642.823	77.185.764.490	
	LÀM TRÒN					77.185.764.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
TỈNH TÂY NINH

NHIỆM VỤ KHẢO SÁT XÂY DỰNG
BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

DỰ ÁN:
ĐÁU NỔI NƯỚC THẢI TỪ HỘ THOÁT NƯỚC VÀO MẠNG
LƯỚI THU GOM VỀ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI
PHƯỜNG TRẮNG BÀNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
PHƯỜNG TRẮNG BÀNG VÀ PHƯỜNG GIA LỘC
TỈNH TÂY NINH

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG TỈNH TÂY NINH

TƯ VẤN LẬP NHIỆM VỤ KHẢO SÁT XÂY DỰNG:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XD TỔNG HỢP TÂY NINH

-Năm 2026-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XD TỔNG HỢP TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 45/NVKS/2026

NHIỆM VỤ KHẢO SÁT XÂY DỰNG

BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

DỰ ÁN:

ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI TỪ HỘ THOÁT NƯỚC VÀO MẠNG
LƯỚI THU GOM VỀ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI
PHƯỜNG TRĂNG BÀNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

PHƯỜNG TRĂNG BÀNG VÀ PHƯỜNG GIA LỘC
TỈNH TÂY NINH

Tây Ninh, ngày 01 tháng 4 năm 2026

CÔNG TY CP TƯ VẤN XD TỔNG HỢP
TÂY NINH



Trần Tấn Lợi

Chương 1

GIỚI THIỆU CHUNG

A. Cơ sở pháp lý lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ, về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;
- Căn cứ Quyết định 1429/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu nối nước thải từ hệ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng;
- Căn cứ Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của HĐND tỉnh Tây Ninh về việc Quy định Hỗ trợ đầu nối nước thải từ hệ thoát nước vào mạng lưới thu gom nước thải của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;
- Căn cứ Hợp đồng số ~~01/2024~~ /HĐ-LNVKS ngày ~~26~~ tháng ~~3~~ năm 2026 được ký giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng tổng hợp Tây Ninh về việc thực hiện Gói thầu Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc Dự án Đầu nối nước thải từ hệ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

B. Nội dung lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

1. Mục đích khảo sát

- Phường Trảng Bàng và phường Gia Lộc là trung tâm phát triển kinh tế xã hội tổng hợp của tỉnh, với trọng tâm là đầu mối kinh tế - hạ tầng xã hội, dịch vụ, du lịch và liên kết không gian kinh tế liên vùng tỉnh. Để trở thành trung tâm dịch vụ thương mại, trung tâm hành chính dịch vụ, công nghiệp, giáo dục đào tạo của tỉnh;

cần có sự chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và xây dựng hạ tầng phù hợp với quy mô, định hướng của phát triển đô thị theo hướng xanh, sạch, đẹp.

- Mục tiêu đầu tư xây dựng của dự án là Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại Phường Trảng Bàng và phường Gia Lộc nhằm hoàn thiện toàn bộ dự án, đưa hệ thống xử lý vào vận hành, khai thác. Từ đó cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe người dân, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của khu vực.

- Trong đó, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt là một trong những hạng mục cần được quan tâm và ưu tiên xây dựng đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác nhằm bảo đảm môi trường sống an toàn, tiện ích; tạo được ý thức sống lành mạnh cho dân cư, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của khu vực.

- Việc đầu tư xây dựng dự án Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom và xử lý nước thải phường Trảng Bàng nhằm góp phần hoàn thiện mạng lưới thu gom nước thải thông suốt, từng bước hình thành hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng thu gom nước thải hệ thống thu gom nước thải vận tải trong khu vực theo quy hoạch; góp phần chỉnh trang đô thị, xây dựng cảnh quan đô thị văn minh hiện đại, hình thành và phát triển hạ tầng du lịch, tạo động lực thúc đẩy xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, du lịch và tăng cường củng cố an ninh quốc phòng.

- Điều tra thu thập số liệu, khảo sát hiện trạng địa hình phục vụ công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Khảo sát thu thập các số liệu cần thiết để tiến hành lập dự án trên cơ sở quy hoạch và quy mô thực tế hiện trạng dự án.

- Xác định cụ thể số lượng hộ thoát nước thải (nhà dân, nhà trọ, cơ quan, trường học ...) theo thực tế trong phạm vi dự án.

- Quá trình khảo sát phải thu thập được các số liệu về điều kiện tự nhiên của vùng khảo sát (địa hình, địa mạo, ...).

- Kết quả khảo sát phải đánh giá được tình hình hiện trạng dự án cụ thể rõ ràng và đầy đủ các yêu cầu để từ đó có thể phân tích đánh giá và đưa ra phương án thiết kế chính xác.

- Xác định vị trí khu vực phát sinh nước thải sinh hoạt ở các tầng hộ, nhà trọ, cơ quan... thoát nước thải; xác định chiều dài/khoảng cách của thiết bị vệ sinh đến hộp đấu nổi (hộp đấu nổi do gói thầu khác thực hiện), cao độ nền hiện trạng vị trí đặt thiết bị vệ sinh, vị trí ống thoát nước thải từ tầng trên (nếu có).

- Xác định nền/bề mặt hiện trạng để lắp đặt ống dẫn nước thải sinh hoạt của hộ thoát nước thải về đến hộp đấu nối.

- Cung cấp phiếu điều tra khảo sát đầu nối thoát nước thải.

- Căn cứ vào mục đích khảo sát, để có số liệu cung cấp đầy đủ chính xác nhằm phục vụ công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

2. Phạm vi và nội dung khảo sát:

2.1. Phạm vi:

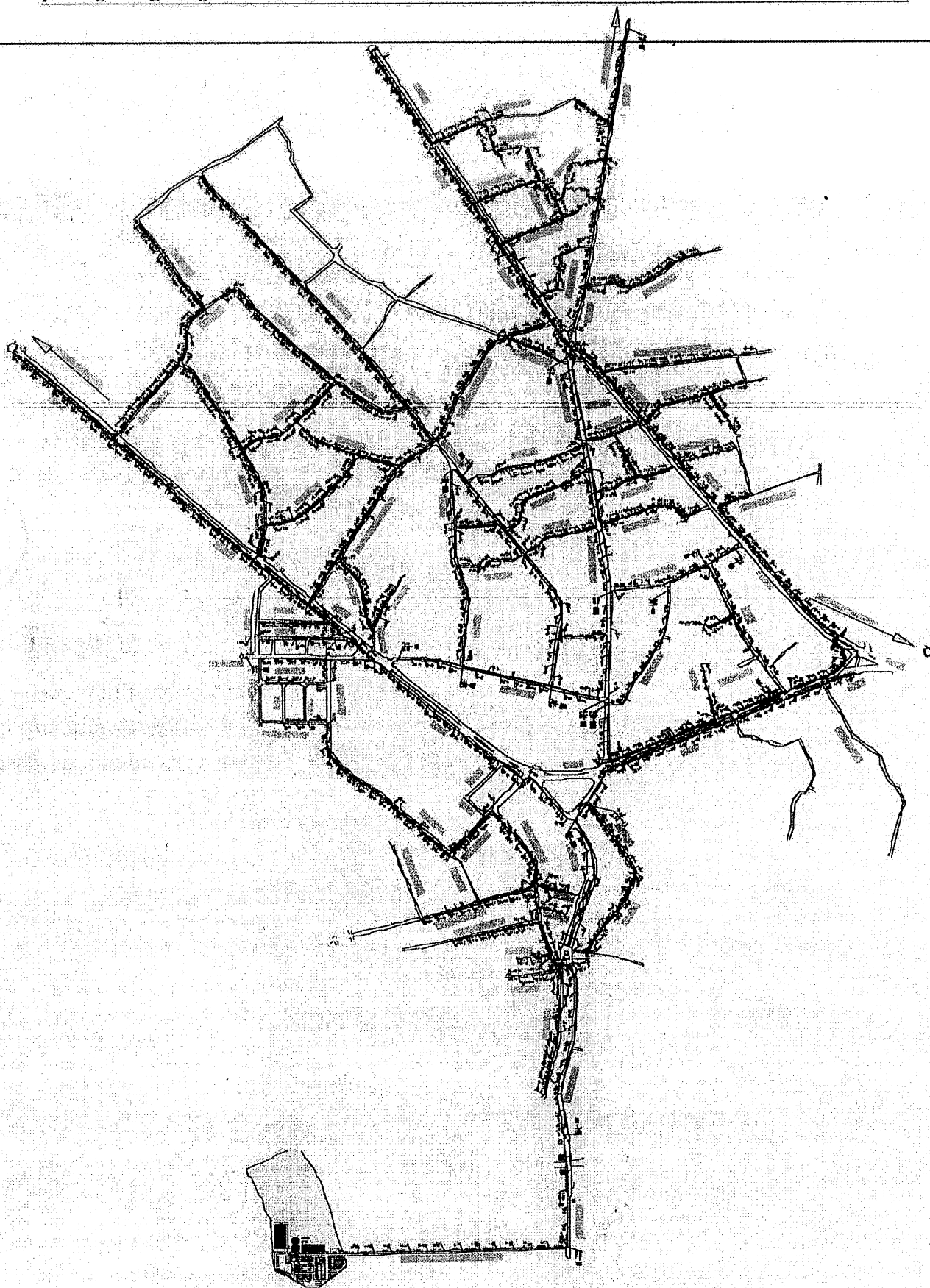
- Dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Phường Trảng Bàng đã triển khai hoàn thành xây dựng hệ thống cấp 3 (hộp đấu nối hộ gia đình) đi qua các trục đường chính: đường DT.787, đường Nguyễn Văn Rốp, đường Gia Long, đường Trung Trắc, Đường 30/4, đường Lê Hồng Phong, đường Nguyễn Trọng Cát, đường Xe Sâu, đường Nguyễn Du, đường Gia Huỳnh 1, đường QL.22, đường Bời Lời, đường 22/12, đường Đông Tiến, đường Lộc Du 18, đường Lộc Du 16, đường A, Đường B, đường số 1, đường số 2, đường Khu Ba Hộ, đường Nguyễn Văn Châu, đường Lãnh Binh Tông, đường Trung Nhị, đường Duy Tân, đường dẫn vào nhà máy và trạm xử lý nước thải công suất 10.000 m³/ngđ.

- Đối với hiện trạng các hộ gia đình quanh khu vực dự án:

- Nhà dân hiện hữu hầu hết có chiều dài khá lớn, trung bình khoảng 42m, tuy nhiên qua khảo sát sơ bộ thực tế thì nhà vệ sinh thông thường nằm ở cuối nhà với trường hợp nhà có chiều dài ngắn (30m) và gần cuối nhà trong trường hợp nhà có chiều dài lớn.

- Hiện trạng kết cấu sàn và sân các hộ gia đình: bê tông, gạch men, gạch terazzo, ...

- Khảo sát, đo vẽ hiện trạng đầu nối hộ gia đình khoảng: 2.545 hộ, nhà trọ, cơ quan- trường học...



Hình 1: Bản đồ tổng thể hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại Phường Trảng Bàng

2.2. Nội dung khảo sát:

- Khảo sát, đo vẽ hiện trạng địa hình khu vực nhằm mô tả đầy đủ số lượng các hộ dân, nhà trọ, các cơ quan, trường học...; cao độ hiện trạng, dáng đất tự nhiên, thực phủ, vật kiến trúc và các hạng mục hiện có trên khu đo. Qua đó cung cấp số liệu phục vụ cho công tác lập công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

3. Yêu cầu về việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng:

TT	Tên quy trình – tiêu chuẩn	Ký hiệu
1	Qui phạm đo vẽ bản đồ địa hình TL 1/500 + 1/5000	96 TCN43-90
2	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398 - 2012
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
5	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình.	TCVN 9401:2024
6	Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000	Thông tư 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015

4. Sơ bộ khối lượng các loại công tác khảo sát xây dựng, dự toán khảo sát xây dựng (nếu có)

4.1 Khối lượng khảo sát

a. Lưới khống chế mặt bằng và độ cao hạng IV: Sử dụng số liệu dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000m³/ngày đã được phê duyệt.

b. Lưới khống chế đường chuyên 2 và độ cao kỹ thuật: Sử dụng số liệu dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000m³/ngày -giai đoạn 1 và dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000m³/ngày- giai đoạn 2 đã được phê duyệt.

c. Khảo sát đo vẽ độ cao và hiện trạng từng hộ, nhà trọ, cơ quan- trường học...

- Đo vẽ thể hiện chính xác khoảng cách, chênh cao từ mặt nền hiện trạng của các công trình phụ, thiết bị vệ sinh hiện trạng của từng hộ gia đình cần thu gom nước thải đến hộp đấu nối đặt trước từng hộ gia đình dự kiến.

- Đo vẽ xác định vị trí xả thải từng hộ gia đình, nhà trọ, cơ quan- trường học...

- Đo cao độ đầu nổi từ vị trí xả thải đến các tuyến ống đã đầu tư trong dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000m³/ngày -giai đoạn 1 và dự án Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000m³/ngày -giai đoạn 2.

- Thể hiện các công trình phụ trong từng nhà dân, vị trí, chiều dài, khoảng cách của từng vị trí công trình phụ, thiết bị vệ sinh đến hộp đấu nối đặt trước từng hộ dự kiến để phục vụ công tác thiết kế, thi công sau này.

- Đo cao độ sàn nhà, sàn khu vệ sinh, sân (nếu có), vẽ mặt bằng tổng thể các ngôi nhà có hộp đấu nối khảo sát.

- Đo công trình hiện trạng từng hộ gia đình, nhà trọ, cơ quan- trường học.....; xác định vị trí thiết bị vệ sinh trong nhà: Đo vị trí thiết bị vệ sinh, bồn cầu, lavabo, hồ thu nước sàn, vòi sen, hộp gen, ống dẫn thoát nước trên xuống.... trong khu vệ sinh mỗi ngôi nhà.

- Điều tra xã hội học.

d. Khối lượng dự kiến:

- Tổng số: Theo khảo sát hiện trạng đầu nổi cửa dự án có khoảng 2.545 hộ dân, nhà trọ và đơn vị, trung tâm... Trong đó:

+ Đầu nổi hộ gia đình khoảng: 2.299 hộ: Nhóm 2 kỹ sư + 4 công nhân: Dự kiến thực hiện hoàn thiện 8 hộ dân/ngày

+ Đầu nổi nhà trọ khoảng: 27 nhà trọ: Nhóm 2 kỹ sư + 3 công nhân: Dự kiến thực hiện hoàn thiện 5 nhà/ngày

+ Đầu nổi đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học... có khoảng: 219 đơn vị, trung tâm....: Nhóm 2 kỹ sư + 3 công nhân: Dự kiến thực hiện hoàn thiện 5 đơn vị, trung tâm../ngày

+ Tổ chức hội họp, di vận động tuyên truyền từng hộ dân: Dự kiến 20 lần (đã bao gồm chi phí xăng xe, nước uống, giấy mực v.v...)

Tổng hợp khối lượng khảo sát:

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG
-----	--------------------	-----	------------

Nhiệm vụ khảo sát xây dựng (Bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi)

Dự án: Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG
1	Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	2.299
2	Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	27
3	Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	219
4	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân	1 lần	20

- Khối lượng đang rà soát hiện trạng các hộ ngoài thực địa theo Dự án: hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000m³/ngày -giai đoạn 1 và Dự án: hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000m³/ngày -giai đoạn 2 đã được phê duyệt. Trong quá trình triển khai công tác Khảo sát thiết kế, nếu có sự thay đổi về khối lượng thì đơn vị tư vấn KS-TK cần báo cáo Chủ đầu tư để phối hợp xử lý.

4.2. Dự toán chi phí cho công tác khảo sát xây dựng:

4.2.1. Căn cứ lập dự toán:

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc công bố đơn giá xây dựng công trình – Phần khảo sát trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;
- Căn cứ Quyết định số 1946/QĐ-SXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Sở xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
- Căn cứ Quyết định số 1947/QĐ-SXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Sở xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc công bố đơn giá công nhân xây dựng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

4.2.2. Chi phí khảo sát:

- Dự toán chi phí cho công tác khảo sát xây dựng (làm tròn), (VAT 8%):
1.480.454.000 đồng (bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng)

(Chi tiết xem phụ lục đính kèm)

5. Thời gian thực hiện khảo sát xây dựng

* Thời gian thực hiện khảo sát xây dựng: 30 ngày, trong đó:

- Thời gian thực hiện khảo sát hiện trường: 26 ngày.

- Thời gian thực hiện xử lý nội nghiệp: 03 ngày.

- Hoàn thiện hồ sơ in bản vẽ : 01 ngày.

* Sản phẩm giao nộp:

- Tài liệu giao nộp báo cáo khảo sát xây dựng: 08 bộ và 01 USB sao chép dữ liệu.

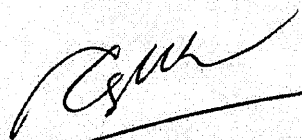
- Thuyết minh báo cáo kết quả khảo sát;

- Bản vẽ bình đồ, hiện trạng các vị trí khảo sát...

- Phiếu điều tra, khảo sát đầu nối.

- Trên đây là nhiệm vụ khảo sát xây dựng bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án Đầu nối nước thải từ hệ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Tổng hợp Tây Ninh. Kính trình Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét phê duyệt.

Người lập


Ths Trương Phương Hồ

**BẢNG TÍNH CHI PHÍ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT ĐẦU NÓI
(BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)**

DỰ ÁN: ĐẦU NÓI NƯỚC THẢI TỪ HỘ THOÁT NƯỚC VÀO MẠNG LƯỚI THU GOM VỆ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI PHƯỜNG TRĂNG BÀNG

A. TUYỂN ONG GIAI ĐOẠN 1:

1. ĐƯỜNG ĐT 787				
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	147
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	3
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	11
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			
			1 lần	

161

2. ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN RÓP

2. ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN RÓP				
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	311
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	2
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	6
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			
			1 lần	

319

3. ĐƯỜNG GIA LONG

3. ĐƯỜNG GIA LONG				
STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			

1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	116
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	9
2		Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân	1 lần	

126

4. ĐƯỜNG TRUNG TRẮC

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1		Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ		
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	57
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	6
2		Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân	1 lần	

64

5. ĐƯỜNG 30/4

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1		Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ		
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	39
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	2
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	7
2		Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân	1 lần	

48

6. ĐƯỜNG LÊ HỒNG PHONG

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1		Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ		
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	21

1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	2
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	6
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

29

7. ĐƯỜNG NGUYỄN TRỌNG CÁT

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	88
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	2
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	4
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

94

8. ĐƯỜNG XE SÂU

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	169
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	6
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

176

9. ĐƯỜNG NGUYỄN DU

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			

1.1	Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	139
1.2	Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3	Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	13
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân	1 lần	
			153

10. ĐƯỜNG GIA HUỖNH 1

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1	Đầu nối hộ gia đình		1 hộ gia đình	33
1.2	Đầu nối nhà trọ		1 nhà trọ	1
1.3	Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...		1 đơn vị, trung tâm	4
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	
				38

11. ĐƯỜNG QL 22 (TỪ ĐƯỜNG NGUYỄN DU ĐẾN ĐƯỜNG GIA LONG)

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1	Đầu nối hộ gia đình		1 hộ gia đình	51
1.2	Đầu nối nhà trọ		1 nhà trọ	2
1.3	Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...		1 đơn vị, trung tâm	19
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	
				72

B. TUYỂN ONG GIAI DOAN 2:

1. ĐƯỜNG BỒI LỜI

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	370
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	19
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

390

2. ĐƯỜNG 22/12

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	120
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	12
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

133

3. ĐƯỜNG ĐỒNG TIỀN

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	91
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	10
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

4. ĐƯỜNG LỘC DU 18

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	29
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	0
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	2
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

31

5. ĐƯỜNG LỘC DU 16

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	49
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	5
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

55

6. ĐƯỜNG QL 22 (TỪ BÙI THANH VÂN + 300M ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN DU)

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	124
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	24
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

149

7. ĐƯỜNG A

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	12
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	0
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	7
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

19

8. ĐƯỜNG B

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	11
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	0
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	4
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

15

9. ĐƯỜNG SỐ 1

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	4
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	0
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	4
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân			1 lần

10. ĐƯỜNG SỐ 2

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	15
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	0
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	6
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	

21

11. ĐƯỜNG KHU BA HỘ

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	15
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	0
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	4
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	

19

12. ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CHÁU

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	20
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	0
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	5
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	

13. ĐƯỜNG LÃNH BINH TỔNG

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	46
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	6
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	

53

14. ĐƯỜNG TRUNG NHỊ

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	32
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	1
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	

34

15. ĐƯỜNG QL 22 (ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG BỜ LÒI ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN RÓP)

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	113
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	13
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	

127

16. ĐƯỜNG DUY TÂN

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	77
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	6
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	

84

17. ĐƯỜNG DẪN VÀO NHÀ MÁY

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ			
1.1		Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	0
1.2		Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	0
1.3		Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	0
2	Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	

0

Tổng cộng:

Trong đó

Đầu nối hộ gia đình

Đầu nối nhà trọ

Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...

Tổ chức hội họp, đi vận động tuyên truyền từng hộ dân

2.545,00

2.299,00

27,00

219,00

20,00

**BẢNG CHIẾT TÍNH ĐƠN GIÁ KHẢO SÁT
(BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHA THI)**

DỰ ÁN: ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI TỪ HỘ THOÁT NƯỚC VÀO MẠNG LƯỚI THU GOM VỆ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI PHƯỜNG TRẢNG BÀNG

STT	Mã số	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
1	ĐN-GĐ	Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	1			424.523
		a.) Vật liệu	VL		9.781	1	9.781
		Sơn trắng + đồ	kg	0,125	40.909		5.114
		Đỉnh	kg	0,125	18.180		2.273
		Số đo	quyển	0,25	9.091		2.273
		Vật liệu khác	%	1,25	97		121
		b.) Nhân công	NC		189.959	1	189.959
		Kỹ sư 4,0/8 (Khảo sát đo đạc)	công	0,125	308.071	1	38.509
		Kỹ sư 4,0/8 (Xử lý số liệu - tổng hợp điều tra)	công	0,125	308.071	1	38.509
		Công nhân 4,0/7 (Khảo sát đo đạc)	công	0,125	301.174	1	37.647
		Công nhân 4,0/7 (Ghi số liệu, tính toán số liệu)	công	0,125	301.174	1	37.647
		Công nhân 4,0/7 (Điều tra xã hội học)	công	0,125	301.174	1	37.647
		c.) Máy thi công	M		20.458	1	20.458
		Máy toàn đạc điện tử	ca	0,125	147.059	1	18.382
		Máy thủy bình điện tử	ca	0,125	14.767	1	1.846
		Máy khác	%	1,25	184		230
		Cộng chi phí trực tiếp (VL+NC+M)	T				220.198
		CHI PHÍ CHUNG (NC x 70%)	C	70 %			132.971
		Chi phí không xác định KL từ JK	LT+TT	0,0 %			0
		Chi phí gián tiếp (C+LT+TT)	GT				
		THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC (T+GT) x 6%	TL	6 %			132.971
		Chi phí khác phục vụ khảo sát xây dựng	Gpvks				21.190
		Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát (T+GT+TL) x 2%	Cpa	2 %			18.718
		Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát (T+GT+TL) x 3%	Cbc	3 %			7.487
							11.231

STT	Mã số	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
		Giá trị dự toán khảo sát trước thuế	Gt				393.077
		THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Gt x 8%)	GTGT	8%			31.446
		Giá trị khảo sát sau thuế	Gst				424.523
		Giá thành khảo sát xây dựng	Gks				424.523
2	ĐN-NT	Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	1			679.638
		a.) Vật liệu	VL		15.764	1	15.764
		Sơn trắng + đỏ	kg	0,2	40.909		8.182
		Đinh	kg	0,2	18.180		3.636
		Số đo	quyển	0,4	9.091		3.636
		Vật liệu khác	%	2	155		310
		b.) Nhân công	NC		303.933	1	303.933
		Kỹ sư 4,0/8 (Khảo sát đo đạc)	công	0,2	308.071	1	61.614
		Kỹ sư 4,0/8 (Xử lý số liệu - tổng hợp điều tra)	công	0,2	308.071	1	61.614
		Công nhân 4,0/7 (Khảo sát đo đạc)	công	0,2	301.174	1	60.235
		Công nhân 4,0/7 (Ghi số liệu, tính toán số liệu)	công	0,2	301.174	1	60.235
		Công nhân 4,0/7 (Điều tra xã hội học)	công	0,2	301.174	1	60.235
		c.) Máy thi công	M		32.953	1	32.953
		Máy toàn đạc điện tử	ca	0,2	147.059	1	29.412
		Máy thủy bình điện tử	ca	0,2	14.767	1	2.953
		Máy khác	%	2	294		588
		Cộng chi phí trực tiếp (VL+NC+M)	T				352.650
		CHI PHÍ CHUNG (NC x 70%)	C	70%			212.753
		Chi phí không xác định KL từ TK	LT+TT	0,0%			0
		Chi phí gián tiếp (C+LT+TT)	GT				212.753
		THU NHẬP CHIU THUẾ TÍNH TRƯỚC (T+GT) x 6%	TL	6%			33.924
		Chi phí khác phục vụ khảo sát xây dựng	Gpvks				29.967
		Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát (T+GT+TL) x 2%	Cpa	2%			11.987
		Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát (T+GT+TL) x 3%	Cbc	3%			17.980

STT	Mã số	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
		Giá trị dự toán khảo sát trước thuế	Gt				629.294
		THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Gt x 8%)	GTGT	8%			50.344
		Giá trị khảo sát sau thuế	Gst				679.638
		Giá thành khảo sát xây dựng	Gks				679.638
3	ĐN-ĐV.TT	Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	1			849.889
		a.) Vật liệu	VL		19.801	1	19.801
		Sơn trắng + đỏ	kg	0,25	40.909		10.227
		Đỉnh	kg	0,25	18.180		4.545
		Số đo	quyển	0,5	9.091		4.546
		Vật liệu khác	%	2,5	193		483
		b.) Nhân công	NC		379.918	1	379.918
		Kỹ sư 4,0/8 (Khảo sát đo đạc)	công	0,25	308.071	1	77.018
		Kỹ sư 4,0/8 (Xử lý số liệu - tổng hợp điều tra)	công	0,25	308.071	1	77.018
		Công nhân 4,0/7 (Khảo sát đo đạc)	công	0,25	301.174	1	75.294
		Công nhân 4,0/7 (Ghi số liệu, tính toán số liệu)	công	0,25	301.174	1	75.294
		Công nhân 4,0/7 (Điều tra xã hội học)	công	0,25	301.174	1	75.294
		c.) Máy thi công	M		41.377	1	41.377
		Máy toàn đạc điện tử	ca	0,25	147.059	1	36.765
		Máy thủy bình điện tử	ca	0,25	14.767	1	3.692
		Máy khác	%	2,5	368		920
		Cộng chi phí trực tiếp (VL+NC+M)	T				441.096
		CHI PHÍ CHUNG (NC x 70%)	C	70 %			265.943
		Chi phí không xác định KI từ TK	LT+TT	0,0 %			0
		Chi phí gián tiếp (C+LT+TT)	GT				265.943
		THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC (T+GT) x 6%	TL	6 %			42.422

STT	Mã số	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền
		Chi phí khác phục vụ khảo sát xây dựng	Gpvks				37.473
		Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát (T+GT+TL) x 2%	Cpa	2 %			14.989
		Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát (T+GT+TL) x 3%	Cbc	3 %			22.484
		Giá trị dự toán khảo sát trước thuế	Gtt				786.934
		THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Gtt x 8%)	GTGT	8%			62.955
		Giá trị khảo sát sau thuế	Gst				849.889
		Giá thành khảo sát xây dựng	Gks				849.889

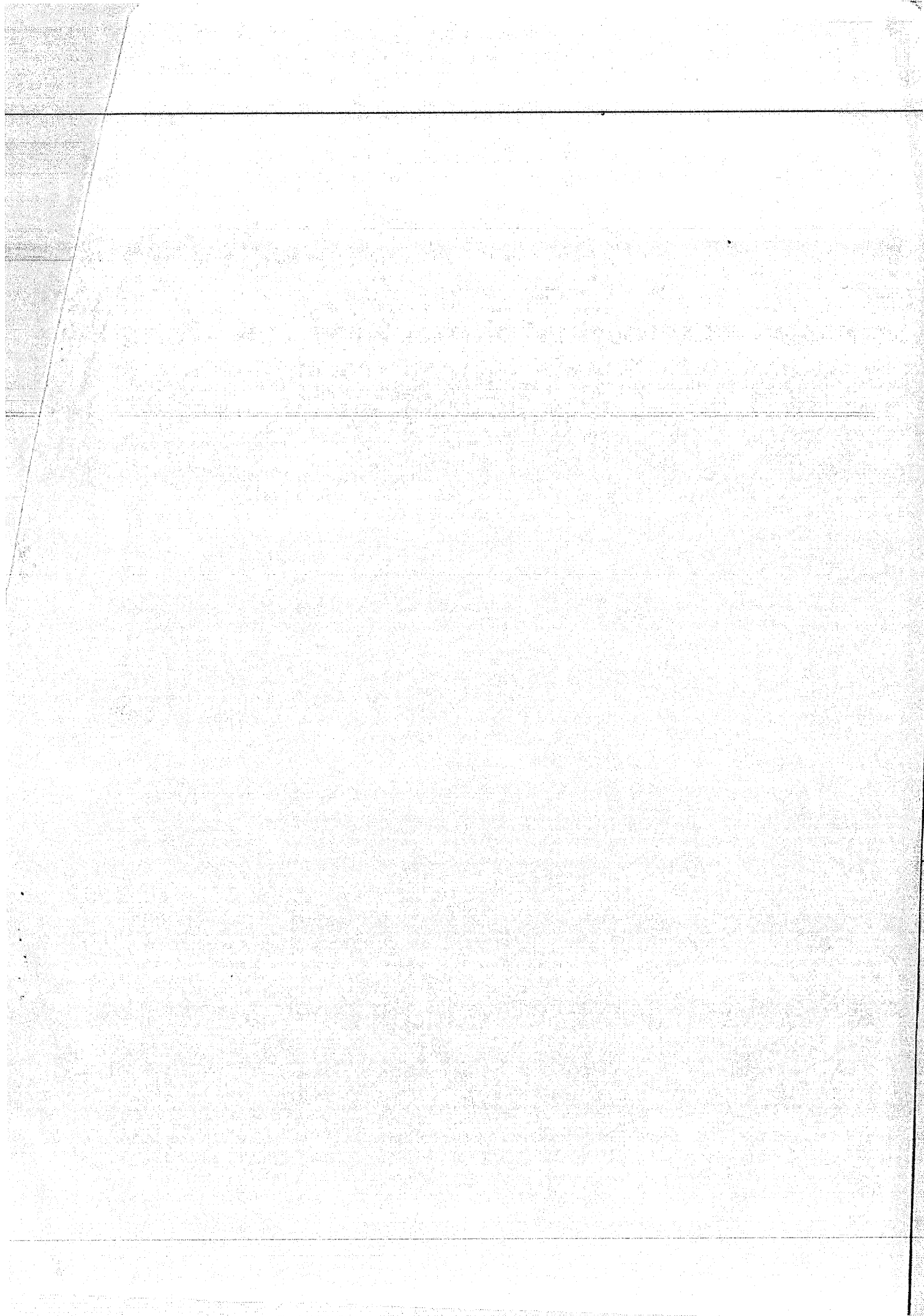
BẢNG TÍNH CHI PHÍ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT ĐẦU NƠI
(BƯỚC LẬP BẢO CÁO NGHIỆN CỨU KHẢ THỊ)
DỰ ÁN: ĐẦU NƠI NƯỚC THẢI TỪ HỘ THOÁT NƯỚC VÀO MẠNG LƯỚI THU GOM VỆ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI
PHƯỜNG TRĂNG BÀNG

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1		Khảo sát độ cao từng hộ + khảo sát hiện trạng từng hộ				
1.1	ĐN-GĐ	Đầu nối hộ gia đình	1 hộ gia đình	2299	424.523	975.978.377
1.2	ĐN-NT	Đầu nối nhà trọ	1 nhà trọ	27	679.638	18.350.226
1.3	ĐN-ĐV, TT	Đầu nối đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng, trung tâm tôn giáo, trường học, cơ sở y học...	1 đơn vị, trung tâm	219	849.889	186.125.691
2	Chi phí hội họp, di vận động tuyên truyền từng hộ dân		1 lần	20	15.000.000	300.000.000
		Chi phí khảo sát xây dựng (VAT 8%)				1.480.454.294
		Chi phí khảo sát xây dựng (làm tròn)				1.480.454.000
Bảng chữ: Một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, bốn trăm năm mươi bốn ngàn đồng.						

NGƯỜI LẬP



Trương Phương Hồ



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

-----33★88-----

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ
(BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)

DỰ ÁN:
**ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI TỪ HỘ THOÁT NƯỚC VÀO
MẠNG LƯỚI THU GOM VỀ NHÀ MÁY XỬ LÝ
NƯỚC THẢI TẠI PHƯỜNG TRẢNG BÀNG**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
CÁC PHƯỜNG: GIA LỘC, TRẢNG BÀNG THUỘC TỈNH TÂY NINH

THÁNG 4/2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

-----33★88-----

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ
(BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)

DỰ ÁN:
**ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI TỪ HỘ THOÁT NƯỚC VÀO MẠNG LƯỚI
THU GOM VỀ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI PHƯỜNG
TRĂNG BÀNG**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
CÁC PHƯỜNG: GIA LỘC, TRĂNG BÀNG THUỘC TỈNH TÂY NINH

Tây Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

PHÒNG QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP

PHẠM HOÀNG KHANG

PHAN THANH THẢO

THÁNG 4/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

(Bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi)

Dự án: Đầu nổi nước thải từ hệ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

I. CÁC CĂN CỨ LẬP NHIỆM VỤ THIẾT KẾ:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; được sửa đổi, bổ sung một số Điều bởi Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi, bổ sung một số Điều bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều thi hành Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ (BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)

Dự án: Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng

- Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Quy định hỗ trợ đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030;

- Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng;

- Quyết định số 166/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự toán giai đoạn chuẩn bị dự án điều chỉnh dự án Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng;

- Quyết định số 296/QĐ-BQLDA ngày 12/3/2026 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án thuộc dự án Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng;

II. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh.

- Đơn vị lập nhiệm vụ khảo sát: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp Tây Ninh.

- Địa điểm thực hiện: Các phường: Gia Lộc, Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh.

- Tổng mức đầu tư: 77.185.764.000 đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

- Quy mô đầu tư: Phù hợp với nhu cầu khai thác, sử dụng công trình; Số lượng hộ gia đình dự kiến đầu nổi là 2.545 hộ.

2. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư tuyến ống đầu nổi thu gom nước thải từ hộ thoát nước về nhà máy xử lý nước thải để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp cận, góp phần bảo vệ môi trường.

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ (BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)

Dự án: Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

3. Mục tiêu thiết kế

- Lập thiết kế nhằm cụ thể hóa nội dung chủ trương đầu tư, bảo đảm đủ điều kiện để triển khai đầu tư xây dựng công trình đầu nối nước thải từ hộ thoát nước, nhà dân, nhà trọ, trường học, công trình công cộng, cơ sở dịch vụ và các đối tượng đủ điều kiện khác vào mạng lưới thu gom nước thải hiện hữu của Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng.

- Mục tiêu cụ thể của thiết kế:

+ Hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải từ hộ thoát nước đến mạng lưới thu gom nước thải hiện hữu đã được đầu tư. Đảm bảo hiệu quả đầu tư của các dự án đầu tư Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng công suất 10.000 m³/ngày - giai đoạn 1, giai đoạn 2, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

+ Nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu vực phường Trảng Bàng;

+ Góp phần cải thiện vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước, chỉnh trang đô thị và nâng cao chất lượng sống của người dân trong khu vực dự án;

+ Bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, an toàn, tiết kiệm, dễ quản lý vận hành và bảo trì công trình sau đầu tư.

4. Địa điểm xây dựng công trình:

Địa điểm thực hiện dự án tại phường Gia Lộc; phường Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh. Điểm tiếp nhận sau đầu nối là hệ thống thu gom nước thải hiện hữu dẫn về Nhà máy xử lý nước thải phường Trảng Bàng;

III. NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

1. Yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc của công trình

a. Yêu cầu quy hoạch, kế hoạch đầu tư

- Thiết kế phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, định hướng phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực; phù hợp với phạm vi, ranh giới, hướng tuyến và nội dung hồ sơ dự án đã được phê duyệt.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở phù hợp với dự án Đầu nối nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom và xử lý nước thải phường Trảng Bàng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 27/01/2026;

- Giải pháp thiết kế phải:

+ Bảo đảm kết nối đồng bộ với hệ thống thu gom nước thải hiện hữu;

+ Hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hiện trạng đường giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình lân cận và sinh hoạt của người dân;

+ Bảo đảm hoàn trả mặt bằng, mặt đường, vỉa hè, nền gạch, nền bê tông hoặc các kết cấu bị ảnh hưởng trong quá trình thi công;

+ Phù hợp hiện trạng từng vị trí đầu nối, bảo đảm mỹ quan, an toàn và thuận lợi

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ (BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)

Dự án: Đấu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

trong quá trình quản lý, vận hành.

- Đối với công trình hộ dân, nhà trọ, trường học, công trình công cộng và cơ sở dịch vụ, thiết kế cần lựa chọn phương án đấu nổi phù hợp với hiện trạng công trình, cao độ thoát nước, khả năng tự chảy hoặc bơm chuyển tiếp, bảo đảm hiệu quả sử dụng và khả thi trong thực tế.

b. Yêu cầu cảnh quan

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo các quy định liên quan trong QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, đồng thời ngoài yếu tố hiệu quả, sử dụng an toàn và đảm bảo vệ sinh môi trường còn phải bố trí và thiết kế chi tiết kỹ thuật gọn gàng, không làm mất mỹ quan – đặc biệt là các công trình hạ tầng kỹ thuật xây nổi.

c. Yêu cầu kiến trúc công trình

- Kiến trúc công trình phải hiện đại.
- Không phá vỡ kiến trúc các công trình hiện hữu.
- Hoàn trả hiện trạng các công trình trong nhà bị ảnh hưởng bởi dự án.
- Sau khi lắp đặt các đường ống kỹ thuật vào bể tự hoại, khu vệ sinh và các phụ kiện liên quan đến ống đấu nổi vào hộp nổi ngoài nhà, việc hoàn trả nền nhà theo hiện trạng phải bảo đảm bền vững, mỹ quan và đáp ứng yêu cầu vệ sinh môi trường, không phát sinh mùi, không tràn nước thải.

2. Các yêu cầu về quy mô, thời gian sử dụng công trình, công năng sử dụng, tiêu chuẩn và các yêu cầu khác đối với công trình**a. Quy mô**

Thiết kế phải bám theo quy mô chủ trương đầu tư đã được duyệt, bảo đảm đấu nổi cho khoảng 2.545 hộ thoát nước trong phạm vi dự án; đồng thời bố trí đầy đủ các hạng mục phụ trợ, hố ga, hộp đấu nổi, tuyến ống trong hộ, tuyến ống ngoài nhà và các phụ kiện cần thiết để thu gom nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới hiện hữu.

TT	Thành phần	Đơn vị	Khối lượng	Diễn giải
1	Đấu nổi hộ thoát nước theo phương án điển hình 1	đấu nổi	2.299	Đấu nổi hộ gia đình cá nhân
2	Đấu nổi hộ thoát nước theo phương án điển hình 2	đấu nổi	27	Đấu nổi nhà trọ
3	Đấu nổi hộ thoát nước theo phương án điển hình 3	đấu nổi	219	Đấu nổi đơn vị sản xuất dịch vụ, khối văn phòng; trung tâm tôn giáo; trường học; cơ sở y tế,...

b. Thời gian sử dụng công trình

Thời hạn sử dụng công trình: Căn cứ mục 1.1.3 và 2.2.2 trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ (BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)

Dự án: Đầu nối nước thải từ hệ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

tầng kỹ thuật đô thị QCVN 03:2022/BXD: “Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình không nhỏ hơn 25 năm – công trình chịu tác động trực tiếp của môi trường xâm thực mạnh (hóa chất, môi trường biển), trừ công trình tạm”.

c. Công năng sử dụng công trình

Công trình có công năng thu gom nước thải sinh hoạt từ hộ dân, nhà trọ, công trình công cộng và các cơ sở đủ điều kiện đầu nối, dẫn nước thải về hệ thống thu gom hiện hữu của Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Trảng Bàng để chuyển đến nhà máy xử lý nước thải. Hệ thống thiết kế không bao gồm thu gom nước mưa; nước mưa tiếp tục thoát theo hệ thống thoát nước mưa riêng hoặc điều kiện hiện trạng khu vực.

d. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

Trong quá trình lập thiết kế xây dựng, đơn vị tư vấn phải nghiên cứu, áp dụng đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành có liên quan, trong đó chủ yếu gồm:

TT	TÊN QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
	Quy chuẩn, tiêu chuẩn chung	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt	QCVN 14:2025/BTNMT
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải đô thị, khu dân cư tập trung	QCVN 15:2025/BTNMT
4	Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế	TCVN 7957:2023
5	Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4474:1987
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước	QCVN 50:2013/BTNMT
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp	QCVN 40:2025/BTNMT
8	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
9	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN 07:2023/BXD
10	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN 03:2012/BXD
11	Quy chuẩn về An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
12	Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế	TCVN 7957:2023
13	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737-2023

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ (BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)

Dự án: Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

TT	TÊN QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
14	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018

Ngoài các quy chuẩn, tiêu chuẩn nêu trên, trong quá trình lập thiết kế xây dựng, đơn vị tư vấn có trách nhiệm áp dụng đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan đến khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu, an toàn, môi trường và quản lý chất lượng công trình.

e. Các yêu cầu khác:*** Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật chủ yếu**

Thiết kế phải lựa chọn giải pháp kỹ thuật phù hợp với hiện trạng địa hình, địa chất, thủy văn, hiện trạng giao thông, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và đặc điểm xây dựng khu dân cư trong khu vực dự án.

- Giải pháp thiết kế phải đáp ứng các yêu cầu sau:
- Thu gom triệt để nước thải sinh hoạt trong phạm vi được đầu tư;
- Bảo đảm yêu cầu thủy lực tuyến ống, khả năng thoát nước ổn định, hạn chế lắng đọng, tắc nghẽn;
- Bảo đảm kết nối đồng bộ, an toàn với hệ thống thu gom nước thải hiện hữu;
- Phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về thoát nước, xây dựng, kết cấu, thi công và nghiệm thu;
- Ưu tiên vật liệu thông dụng, bền, đồng bộ với hệ thống hiện hữu, dễ quản lý vận hành, bảo trì và thay thế;
- Có giải pháp thi công hợp lý, hạn chế đào phá, hạn chế ảnh hưởng giao thông, sinh hoạt người dân và công trình lân cận;
- Có giải pháp hoàn trả mặt đường, nền nhà, sân, vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng bảo đảm chất lượng và phù hợp hiện trạng.

*** Yêu cầu về giải pháp xây dựng và công nghệ**

- Các đề xuất về giải pháp xây dựng, công nghệ phải hợp lý về mặt kinh tế và phải có tính khả thi cao, phù hợp với công trình hiện hữu.
- Tất cả các hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị cho công trình như hệ thống điện đảm bảo hiện đại, đồng bộ, an toàn cao, phù hợp với tiêu chuẩn trong nước và đảm bảo tính kinh tế trong đầu tư, vận hành và bảo trì.
- Kết cấu công trình: An toàn, bền vững bảo đảm tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu về tổ chức không gian và thẩm mỹ khác.
- Đối với các vị trí cần cấp điện phục vụ thiết bị, nguồn điện được lấy từ hộ thoát nước hoặc nguồn phù hợp theo phương án thiết kế, đồng thời phải có giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.
- Tổ chức giao thông trong quá trình thi công phải phù hợp, thuận tiện và giảm

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ (BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)

Dự án: Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

thiếu ảnh hưởng đến các hộ thoát nước.

*** Yêu cầu về vật liệu, thiết bị và kết cấu công trình**

- Vật liệu, thiết bị sử dụng trong thiết kế phải bảo đảm nguồn gốc, chất lượng, phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và điều kiện thực tế của công trình. Vật liệu ống và phụ kiện phải tương thích với điều kiện sử dụng và hệ thống hiện hữu. Các cấu kiện như hố kiểm soát, hộp đầu nổi, hộp chuyển hướng phải phù hợp yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành thoát nước.

- Giải pháp kết cấu phải bảo đảm an toàn chịu lực, ổn định nền móng, phù hợp... điều kiện địa chất khu vực. Thiết kế hoàn trả mặt đường, vỉa hè, nền gạch, nền bê tông, nền đất tự nhiên trong phạm vi thi công phải tương ứng với từng loại hiện trạng và bảo đảm chất lượng khai thác sau đầu tư.

*** Yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và tổ chức thi công**

- Thiết kế phải tích hợp đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công như giảm thiểu bụi, tiếng ồn, nước thải thi công, chất thải rắn, bùn thải; có giải pháp rào chắn, cảnh báo, tổ chức giao thông và bảo đảm an toàn lao động, an toàn cho cộng đồng.

- Thiết kế phải đề xuất giải pháp tổ chức thi công hợp lý, phù hợp điều kiện hiện trường, bảo đảm tiến độ, chất lượng, an toàn và hạn chế tối đa ảnh hưởng đến đời sống người dân trong khu vực dự án.

*** Yêu cầu về quản lý vận hành và bảo trì công trình**

- Thiết kế phải bảo đảm thuận tiện cho công tác quản lý vận hành, kiểm tra, nạo vét, bảo dưỡng, thay thế phụ kiện và xử lý sự cố trong suốt quá trình khai thác sử dụng công trình. Các vị trí hố ga, hộp đầu nổi, điểm kiểm tra phải được bố trí hợp lý, dễ tiếp cận và phù hợp điều kiện quản lý thực tế.

- Thiết kế phải tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy, chữa cháy; bảo đảm an toàn trong sử dụng; ưu tiên sử dụng vật liệu khó cháy hoặc không cháy tại các vị trí phù hợp.

IV. CÁC YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ THIẾT KẾ BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

1. Trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn lập thiết kế bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

- Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình theo quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu tư vấn lập dự án trong lĩnh vực xây dựng theo các văn bản pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các buổi báo cáo dự án hoặc các buổi họp với cơ quan quản lý địa phương và chủ đầu tư khi có yêu cầu.

- Theo dõi hồ sơ thiết kế bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi khi trình duyệt với các cơ quan quản lý địa phương đồng thời kịp thời sửa chữa nếu có yêu cầu.

- Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về toàn bộ chất lượng hồ sơ.

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ (BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)

Dự án: Đầu nối nước thải từ hệ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

- Tổng mức đầu tư và huy động vốn, phân tích tài chính, rủi ro, chi phí khai thác sử dụng công trình, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; kiến nghị cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án.

- Tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng.

- Bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác.

- Có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng công trình và với các công trình liên quan, gồm các nội dung như sau:

+ Việc cải tạo bể phốt (hầm rút) sẽ giảm chi phí xây dựng các ống kết nối, tuy nhiên việc này sẽ không đảm bảo các hầm rút đảm bảo được kín nước và ống kết nối còn đảm bảo, vẫn có nguy cơ rò rỉ ra môi trường đất, nước ngầm.

+ Việc để nước thải tự phân hủy một phần trong hầm rút sẽ làm giảm hàm lượng BOD trong nước thải, chính tác nhân này sẽ làm giảm hiệu quả của quá trình phản ứng sinh học của nhà máy xử lý nước thải (do việc các vi sinh không đủ hàm lượng dinh dưỡng để phản ứng và duy trì hoạt động).

+ Hoàn trả hiện trạng các công trình trong nhà bị ảnh hưởng bởi dự án.

+ Sau khi công tác lắp đặt các ống kỹ thuật vào các bể phốt, nhà vệ sinh và các phụ kiện liên quan đến ống đầu nối vào hộp nối ngoài nhà, công tác hoàn trả nền nhà (theo hiện trạng) phải đảm bảo tính bền vững, mỹ quan và đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường (mùi, tràn nước thải).

- Khai thác lợi thế và hạn chế tác động bất lợi của điều kiện tự nhiên; ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, vật liệu thân thiện với môi trường.

- Thực hiện các nội dung khác có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thiết kế bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

- Các nội dung của hồ sơ thiết kế bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi phải tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật về xây dựng, đặc biệt là các quy định liên quan tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.

- Đơn vị tư vấn thiết kế có trách nhiệm lập hồ sơ thiết kế bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định hiện hành, bảo đảm đầy đủ thành phần, khối lượng và nội dung, phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt.

- Hồ sơ thiết kế tối thiểu phải bao gồm:

+ Thuyết minh thiết kế;

+ Bản vẽ thiết kế;

+ Dự toán xây dựng;

+ Hồ sơ khảo sát, số liệu khảo sát bổ sung nếu cần;

+ Các tài liệu liên quan khác theo quy định hiện hành.

- Hồ sơ thiết kế phải thể hiện rõ các nội dung chủ yếu sau:

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ (BƯỚC LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI)

Dự án: Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom về nhà máy xử lý nước thải tại phường Trảng Bàng

- + Danh mục các hộ, khu vực, tuyến và vị trí đầu nổi;
- + Phân loại phương án đầu nổi theo từng nhóm đối tượng;
- + Hướng tuyến, cao độ, điểm đầu nổi, kích thước ống, hố ga, hộp đầu nổi;
- + Giải pháp kết cấu, hoàn trả, tổ chức thi công, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường;
- + Khối lượng, dự toán và tiến độ thực hiện phù hợp với tổng mức đầu tư được duyệt.

3. Hình thức hồ sơ

- Bản vẽ thiết kế phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế. Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế phải ký xác nhận vào hồ sơ và đóng dấu của nhà thầu thiết kế.
- Các thuyết minh, bản vẽ thiết kế và dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ theo khuôn khổ thống nhất, được lập danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài.

4. Kế hoạch thực hiện của nhà thầu thiết kế

Thời gian thực hiện công tác Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi là 75 ngày, kể từ khi hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao bằng biên bản cho nhà thầu đầy đủ các tài liệu phục vụ công tác tư vấn (Thời gian trên bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ, không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

5. Quản lý chất lượng công tác thiết kế

- Bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế; cử người có đủ điều kiện năng lực để làm chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế;
- Chỉ sử dụng kết quả khảo sát đáp ứng được yêu cầu của bước thiết kế và phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình;
- Chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế;
- Trình Chủ đầu tư Báo cáo nghiên cứu khả thi để được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng; tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo ý kiến thẩm định;
- Thực hiện điều chỉnh thiết kế theo đúng quy định của pháp luật.

6. Hồ sơ giao nộp

- Số bộ hồ sơ đảm bảo theo quy định hiện hành và điều khoản của hợp đồng, và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Bàn giao kèm thiết bị lưu trữ điện tử chứa toàn bộ hồ sơ thiết kế ở định dạng phù hợp, có thể mở, chỉnh sửa bằng phần mềm chuyên dùng tương ứng.

7. Tổ chức thực hiện

Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi. Trong quá trình thực hiện, đơn vị tư vấn phải phối hợp với chủ đầu tư, chính quyền địa phương và đơn vị quản lý hệ thống thoát nước để khảo sát thực tế, cập nhật điều kiện hiện trường và hoàn thiện giải pháp thiết kế bảo đảm khả thi, đồng bộ, hiệu quả.

V. KẾT LUẬN

Trên đây là nội dung Nhiệm vụ thiết kế (Bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi) dự án Đầu nổi nước thải từ hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom và xử lý nước thải phường Trảng Bàng do Phòng Quản lý công trình Hạ tầng kỹ thuật lập, kính trình Lãnh đạo Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình dân dụng tỉnh Tây Ninh xem xét, phê duyệt để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và triển khai các bước tiếp theo theo quy định./.